

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH**

SINH VIÊN THỰC HIỆN : Đoàn Thị Bích Loan

LỚP : Kế Toán – K35B

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN : TS. Nguyễn Ngọc Tiến

Bình Định, tháng 5 năm 2016

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ và tên sinh viên viên : ĐOÀN THỊ BÍCH LOAN

Lớp : Kế toán K35B

Tên đề tài : Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định

Tính chất của đề tài:

I. NỘI DUNG NHẬN XÉT:

1. Tiến trình thực hiện:

.....

2. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:.....

.....

- Các số liệu, tài liệu thực tế:.....

.....

- Phương pháp và mức độ giải quyết các vấn đề:

.....

3. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày:

.....

- Kết cấu của đề tài:.....

.....

4. Những nhận xét khác:

.....

II. ĐÁNH GIÁ VÀ CHO ĐIỂM

- Tiến trình làm đề tài:.....

- Nội dung của đề tài :

- Hình thức của đề tài:

Tổng cộng:

Bình Định, Ngày ... tháng ... năm 2016

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

TS. Nguyễn Ngọc Tiến

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

Họ và tên sinh viên : ĐOÀN THỊ BÍCH LOAN
Lớp : Kế toán K35B Khóa : K35
Tên đề tài : Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định
Tính chất của đề tài :

I. Nội dung nhận xét:

.....
.....
.....
.....
.....

II. Hình thức của đề tài

- Hình thức trình bày:
- Kết cấu của đề tài:

III. Những nhận xét khác:

.....
.....

IV. Đánh giá cho điểm

- Nội dung đề tài:
- Hình thức đề tài:

Tổng cộng:

Bình Định, Ngày ... tháng ... năm 2016
GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

ThS. Trần Thị Quanh

MỤC LỤC

TRANG

DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1.TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1.1.Một số khái niệm cơ bản trong kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.2.Ý nghĩa của tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
<i>1.1.2.1.Ý nghĩa của tiêu thụ</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2.2.Ý nghĩa của việc xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>4</i>
1.1.3.Vai trò, nhiệm vụ của kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	4
<i>1.1.3.1.Vai trò.....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.3.2.Nhiệm vụ.....</i>	<i>5</i>
1.1.4.Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho.....	5
<i>1.1.4.1.Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO).....</i>	<i>5</i>
<i>1.1.4.2.Phương pháp thực tế đích danh.....</i>	<i>5</i>
<i>1.1.4.3.Phương pháp bình quân gia quyền</i>	<i>6</i>
<i>1.1.4.4.Phương pháp giá hệ số giá</i>	<i>6</i>
1.2.KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	7
1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
<i>1.2.1.1.Các phương thức tiêu thụ.....</i>	<i>7</i>
<i>1.2.1.2.Nội dung kế toán</i>	<i>12</i>
<i>1.2.1.3.Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>12</i>
<i>1.2.1.4.Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>13</i>
<i>1.2.1.5.Phương pháp kế toán</i>	<i>13</i>
1.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán	13
<i>1.2.2.1.Khái niệm</i>	<i>13</i>
<i>1.2.2.2.Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>14</i>
<i>1.2.2.3.Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>14</i>

1.2.2.4.Phương pháp kế toán	14
1.2.3.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	16
1.2.3.1.Nội dung và tài khoản kế toán sử dụng.....	16
1.2.3.2.Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.3.3.Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	17
1.2.4.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	17
1.2.4.1.Khái niệm	17
1.2.4.2.Tài khoản sử dụng.....	17
1.2.4.3.Chứng từ sử dụng.....	18
1.2.4.4.Phương pháp kế toán	18
1.2.5.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	19
1.2.5.1.Khái niệm	19
1.2.5.2.Tài khoản sử dụng.....	19
1.2.5.3.Chứng từ sử dụng.....	19
1.2.5.4.Phương pháp kế toán	19
1.2.6.Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	20
1.2.6.1.Khái niệm	20
1.2.6.2.Tài khoản sử dụng.....	20
1.2.6.3.Chứng từ sử dụng.....	21
1.2.6.4.Phương pháp kế toán	21
1.2.7.Kế toán hoạt động khác	21
1.2.7.1.Kế toán thu nhập khác	21
1.2.7.2.Kế toán chi phí khác.....	23
1.2.8.Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	24
1.2.8.1.Khái niệm	24
1.2.8.2.Tài khoản sử dụng.....	24
1.2.8.3.Chứng từ sử dụng.....	24
1.2.8.4.Phương pháp kế toán	24
1.2.9.Kế toán kết quả kinh doanh	25
1.2.9.1.Khái niệm	25
1.2.9.2.Tài khoản sử dụng.....	25
1.2.9.3.Chứng từ sử dụng.....	25
1.2.9.4.Phương pháp kế toán	26

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH	27
2.1.KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH.....	27
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển.....	27
2.1.1.1. <i>Quá trình hình thành.....</i>	27
2.1.1.2. <i>Thời điểm thành lập và các mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....</i>	28
2.1.1.3. <i>Quy mô của Công ty.....</i>	28
2.1.1.4. <i>Kết quả kinh doanh và đóng góp vào ngân sách của Công ty.....</i>	29
2.1.2.Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty.....	30
2.1.2.1. <i>Chức năng của Công ty.....</i>	30
2.1.2.2. <i>Nhiệm vụ của Công ty.....</i>	30
2.1.2.3. <i>Quyền hạn của Công ty.....</i>	31
2.1.3.Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	31
2.1.3.1. <i>Loại hình kinh doanh</i>	31
2.1.3.2. <i>Ngành nghề kinh doanh</i>	31
2.1.4.Thị trường đầu vào và đầu ra của Công ty.....	32
2.1.4.1. <i>Thị trường đầu vào.....</i>	32
2.1.4.2. <i>Thị trường đầu ra.....</i>	32
2.1.5.Đặc điểm nguồn lực chủ yếu của Công ty	32
2.1.5.1. <i>Đặc điểm tài sản cố định.....</i>	32
2.1.5.2. <i>Đặc điểm lao động</i>	33
2.1.6.Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý sản xuất tại Công ty	34
2.1.6.1. <i>Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh.....</i>	34
2.1.6.2. <i>Đặc điểm tổ chức quản lý</i>	35
2.1.7.Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty	37
2.1.7.1. <i>Mô hình tổ chức kế toán của Công ty</i>	37
2.1.7.2. <i>Bộ máy kế toán của Công ty.....</i>	38
2.1.7.3. <i>Hình thức kế toán Công ty áp dụng</i>	39

2.2.THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH	41
2.2.1.Hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định	41
2.2.1.1.Hệ thống chứng từ sử dụng tại Công ty	41
2.2.1.2. Hệ thống sổ sách sử dụng tại Công ty	42
2.2.2.Phương thức bán hàng và thanh toán tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định	42
2.2.2.1.Phương thức bán hàng tại Công ty	42
2.2.2.2.Phương thức thanh toán tại Công ty	42
2.2.3.Một số nghiệp vụ về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định	43
2.2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty	43
2.2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty	52
2.2.3.3.Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty	56
2.2.3.4.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty	63
2.2.3.5.Kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty	67
2.2.3.6.Kế toán thu nhập khác	71
2.2.3.7.Kế toán chi phí khác	74
2.2.3.8.Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	79
2.2.3.9.Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	81
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH	86
3.1.MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY.....	86
3.1.1.Uu điểm	86
3.1.2.Hạn chế	89
3.2.MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY.....	90
KẾT LUẬN	100
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
01	BH	Bán hàng
02	BCTC	Báo cáo tài chính
03	CT	Chứng từ
04	CNV	Công nhân viên
05	CCDV	Cung cấp dịch vụ
06	DN	Doanh nghiệp
07	DNSX	Doanh nghiệp sản xuất
08	DNTM	Doanh nghiệp thương mại
09	GTGT	Giá trị gia tăng
10	GVHB	Giá vốn hàng bán
11	GBC	Giấy báo Có
12	GBN	Giấy báo Nợ
13	HĐ	Hóa đơn
14	NTGS	Ngày tháng ghi sổ
15	NKC	Nhật ký chung
16	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
17	TK	Tài khoản
18	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
19	TSCĐ	Tài sản cố định
20	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
21	TNHL	Thu nhập hoãn lại
22	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

TRANG

BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm	29
Bảng 2.2: Đặc điểm tài sản cố định	32
Bảng 2.3: Cơ cấu nhân lực của Công ty.....	33

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán tiêu thụ theo phương thức bán hàng trực tiếp	7
Sơ đồ 1.2: Kế toán tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận.....	8
Sơ đồ 1.3: Kế toán tiêu thụ theo phương thức đại lý, ký gửi (bên giao đại lý).....	9
Sơ đồ 1.4: Kế toán ở doanh nghiệp nhận đại lý xuất hóa đơn của đại lý.....	9
Sơ đồ 1.5: Kế toán ở doanh nghiệp nhận đại lý xuất hóa đơn của cửa hàng	10
Sơ đồ 1.6: Kế toán tiêu thụ theo phương thức trao đổi.....	10
Sơ đồ 1.7: Kế toán tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp	11
Sơ đồ 1.8: Kế toán tiêu thụ nội bộ trong doanh nghiệp	12
Sơ đồ 1.9: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13
Sơ đồ 1.10: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	14
Sơ đồ 1.11: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	15
Sơ đồ 1.12: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	17
Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	18
Sơ đồ 1.14: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	20
Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	21
Sơ đồ 1.16: Kế toán thu nhập khác	22
Sơ đồ 1.17: Kế toán chi phí hoạt động khác	23
Sơ đồ 1.18: Kế toán thuế TNDN hiện hành	24
Sơ đồ 1.19: Kế toán thuế TNDN hoãn lại	25
Sơ đồ 1.20: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.....	34
Sơ đồ 2.2: Quy trình làm việc của Công ty	34
Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	37
Sơ đồ 2.4: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	38
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.....	39
Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ trên máy vi tính	40

PHẦN MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như ngày nay với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế và với sự cạnh tranh gay gắt của nhiều thành phần kinh tế để tồn tại lâu dài và phát triển bền vững, các đơn vị sản xuất kinh doanh phải đảm bảo tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động có lãi. Thực hiện được yêu cầu đó đòi hỏi các nhà quản lý doanh nghiệp cần nắm bắt thông tin kịp thời và chính xác, từ đó làm cơ sở đưa ra các quyết định kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

Trong môi trường cạnh tranh như hiện nay, tiêu thụ hàng hóa trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với các doanh nghiệp sản xuất. Qua quá trình tiêu thụ, sản phẩm chuyển từ hình thái vật sang hình thái tiền tệ và cuối cùng kết thúc một vòng luân chuyển vốn, có tiêu thụ sản phẩm mới có vốn để tiến hành tái sản xuất mở rộng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Nhưng muốn đẩy mạnh tiêu thụ đòi hỏi các nhà quản lý phải sử dụng nhiều công cụ và biện pháp khác nhau, trong đó hạch toán kế toán là công cụ quan trọng, không thể thiếu để tiến hành quản lý các hoạt động kinh tế, kiểm tra việc sử dụng quản lý các tài sản, hàng hóa nhằm đảm bảo tính năng động, sáng tạo và tự chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nhờ có những thông tin kế toán cung cấp các nhà quản lý mới biết được tình hình tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp như thế nào, kết quả kinh doanh trong kỳ kinh doanh ra sao để từ đó vạch ra chiến lược kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Nhận thức được vai trò quan trọng của vấn đề trên, qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định, được sự giúp đỡ chỉ bảo của các anh chị trong phòng kế toán, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận hết sức quan trọng nên luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện. Vì vậy em quyết định chọn đề tài : **“Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định”**.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

– Về mặt lí luận: Hệ thống những vấn đề cơ bản về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

– Về mặt thực tế: Tìm hiểu thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định, từ đó thấy được những ưu, nhược điểm còn tồn tại, cũng như đưa ra được những giải

pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, giúp công ty đạt hiệu quả kinh doanh cao hơn, đời sống cán bộ công nhân viên được cải thiện.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

– **Đối tượng nghiên cứu:** Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định.

– **Phạm vi nghiên cứu:** Đề tài được thực hiện tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định.

– Tìm hiểu và lấy số liệu năm 2015 của công ty.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

– Thu thập số liệu tại đơn vị thực tập

– Quan sát, phỏng vấn

– Tổng hợp và trình bày thông tin

5. DỰ KIẾN NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI

Việc hoàn thiện tốt công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp. Do vậy sau khi thực hiện đề tài này em đã đề xuất được một vài giải pháp giúp Công ty hoàn thiện hơn công tác kế toán, từ đó góp phần giúp ban lãnh đạo đưa ra những quyết định đúng đắn trong công tác quản lý kế toán, cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh.

6. KẾT CẤU CỦA ĐỀ TÀI

Ngoài phần mở đầu và kết luận nội dung chính của chuyên đề được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định.

Chương 3: Một số nhận xét và giải pháp hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản trong kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

Thành phẩm là những sản phẩm đã kết thúc giai đoạn chế biến cuối cùng trong quy trình công nghệ sản xuất ra sản phẩm đó do các bộ phận sản xuất của doanh nghiệp sản xuất hoặc thuê ngoài gia công xong đã kiểm nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và nhập kho để bán hoặc xuất bán thẳng. [5;174]

– Tiêu thụ là quá trình trao đổi để thực hiện giá trị của hàng hóa, tức là chuyển hóa vốn từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị, đây là khâu cuối cùng của quá trình sản xuất, chuyển quyền sở hữu về hàng hóa, thành phẩm từ doanh nghiệp cho khách hàng. [5; 174]

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động bán hàng của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. [5;175]

Doanh thu thuần về BH và CCDV là chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán trả lại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp về hàng đã tiêu thụ, thuế GTGT của cửa hàng đã tiêu thụ nếu doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp).

Lợi nhuận gộp về BH và CCDV là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán. Lợi nhuận gộp còn được gọi là lãi thương mại hay lợi tức gộp hoặc lãi gộp.

Kết quả kinh doanh là số lãi hoặc lỗ do các hoạt động trong doanh nghiệp mang lại trong một kỳ kế toán. Kết quả kinh doanh bao gồm kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Tổng số lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN bao gồm số lợi nhuận (hay lỗ) của các hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động khác trong kỳ của doanh nghiệp.

1.1.2. Ý nghĩa của tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.2.1. Ý nghĩa của tiêu thụ

Thông qua quá trình tiêu thụ doanh nghiệp mới thực hiện được việc quay

vòng vốn đã bỏ ra trong quá trình sản xuất nhằm mục đích sinh lời. Nhờ vậy mà các doanh nghiệp mới có khả năng thực hiện tái sản xuất và tái sản xuất mở rộng.

Quá trình tiêu thụ là cơ sở để đảm bảo cho sự tồn tại và tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp. Chỉ qua tiêu thụ tính chất hữu ích của sản phẩm hàng hóa mới được xác định rõ. Doanh nghiệp tiêu thụ càng nhanh tốc độ quay vòng vốn càng lớn, lợi nhuận doanh nghiệp thu được càng cao.

1.1.2.2. Ý nghĩa của việc xác định kết quả kinh doanh

Là nguồn bổ sung vốn lưu động tự có và là nguồn hình thành các quỹ của doanh nghiệp dùng để kích thích vật chất cho tập thể lao động trong doanh nghiệp nhằm động viên họ luôn quan tâm đến lợi ích doanh nghiệp cũng như lợi ích cá nhân của họ. Ngoài ra đó cũng là căn cứ quan trọng để nhà nước đánh giá khả năng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó xây dựng và kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của doanh nghiệp.

1.1.3. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.3.1. Vai trò

Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế của cạnh tranh, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải luôn cố gắng trong tất cả các giai đoạn kinh doanh từ khi bỏ vốn ra đến khi thu hồi vốn về. Trong đó khâu tiêu thụ được chú ý đặc biệt. Các doanh nghiệp luôn muốn tìm mọi cách để đẩy nhanh quá trình tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay của vốn, bù đắp lại các chi phí tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo tiền đề thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo, tránh tình trạng sản phẩm sản xuất ra không tiêu thụ được hoặc tiêu thụ chậm sẽ gây ứ đọng vốn, không thể tiến hành tái sản xuất có thể dẫn đến mất vốn. Đây là một tổn thất lớn không những đối với các nhà sản xuất mà còn đối với cả xã hội.

Để làm tốt khâu tiêu thụ, doanh nghiệp có nhiều cách khác nhau như: chú trọng vào marketing đưa sản phẩm ra thị trường, tạo dựng hình ảnh tốt trong tâm trí khách hàng... trong đó kế toán tiêu thụ thành phẩm là một công cụ hữu hiệu để quản lý thành phẩm trên cả hai mặt giá trị và hiện vật. Từ thông tin do kế toán tiêu thụ cung cấp, các nhà quản lý sẽ nắm được các chỉ tiêu lãi lỗ của doanh nghiệp cũng như của từng mặt hàng để đưa ra các quyết định phù hợp cho kỳ kinh doanh tiếp theo. Bên cạnh đó, thông tin do kế toán tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh cung cấp cũng là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

1.1.3.2. Nhiệm vụ

Phản ánh kịp thời chính xác tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tính chính xác các khoản giảm trừ doanh thu.

Hạch toán chính xác giá vốn hàng bán của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp.

Theo dõi tình hình tiêu thụ các loại hàng hóa một cách chính xác theo hai chỉ tiêu hiện vật, giá trị và tình hình thanh toán với khách hàng.

Theo dõi các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và giám sát chặt chẽ các khoản chi phí đó. Mặt khác kế toán cần phân bổ chính xác các chi phí cho từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

1.1.4. Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho

1.1.4.1. Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Nội dung: Phương pháp được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá trị của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm: Cho phép kế toán tính giá thành phẩm xuất kho được kịp thời.

Nhược điểm: Phải tính giá theo từng danh điểm thành phẩm và phải hạch toán chi tiết thành phẩm tồn kho theo từng loại giá nên tốn nhiều công sức, độ chính xác không cao dẫn đến giá trị của thành phẩm tồn kho cuối kỳ phản ánh không đúng thực tế.

Điều kiện áp dụng: Doanh nghiệp có ít danh điểm thành phẩm, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

1.1.4.2. Phương pháp thực tế đích danh

Nội dung: Phương pháp này là phương pháp quản lý thành phẩm theo lô, khi xuất lô nào thì tính theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô đó.

Ưu điểm: Việc tính giá thành phẩm xuất kho được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá thành phẩm xuất kho kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô hàng.

Nhược điểm: Doanh nghiệp phải tốn nhiều chi phí do phải quản lý riêng từng lô hàng từ khi nhập kho cho đến khi xuất kho lô hàng đó.

Điều kiện áp dụng: Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

1.1.4.3. Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này, giá trị của từng loại sản phẩm xuất kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại sản phẩm đó tồn đầu kỳ và nhập kho trong kỳ. Trong phương pháp bình quân gia quyền có 3 phương pháp cụ thể tính giá vốn hàng xuất kho trong kỳ:

a) Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

Theo phương pháp này, giá vốn hàng xuất kho được xác định theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế hàng nhập kho trong kỳ}}$$

Ưu điểm của phương pháp này: Giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết thành phẩm, hàng hóa khối lượng tính toán giảm.

Nhược điểm: Công tác tính toán giá hàng xuất kho trong kỳ chỉ được thực hiện vào cuối kỳ kế toán nên thông tin kế toán có thể bị chậm.

b) Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập kho thành phẩm kế toán phải xác định lại giá bình quân cho mỗi loại để lấy đó làm căn cứ tính giá xuất kho cho mỗi lô hàng xuất sau đó. Phương pháp này được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá đơn vị bq sau lần nhập thứ N} = \frac{\text{Giá trị thực tế của hàng trước lần nhập thứ N} + \text{Giá trị thực tế của hàng nhập lần thứ N}}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn trước lần nhập N} + \text{Số lượng thực tế hàng nhập lần thứ N}}$$

Phương pháp này cho phép kế toán tính giá hàng xuất kho kịp thời nhưng sẽ làm cho công việc tăng nhiều lần và lại phải chi tiết cho từng loại hàng hóa, thành phẩm. Phương pháp này chỉ áp dụng cho doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa, thành phẩm và tần suất nhập kho, xuất kho trong kỳ không nhiều.

1.1.4.4. Phương pháp hệ số giá

Theo phương pháp này, doanh nghiệp sẽ sử dụng một đơn giá hạch toán cho việc hạch toán các nghiệp vụ xuất hàng. Giá hạch toán có thể là giá thành kế hoạch hoặc giá thành sản phẩm bình quân tháng trước. Cuối tháng khi tính được giá thực

tế thành phẩm nhập kho, kế toán phải xác định hệ số giá thành để tính ra giá thành phẩm thực tế xuất kho.

$$\text{Giá thực tế TP xuất kho} = \frac{\text{Giá trị hạch toán TP xuất dùng trong kỳ}}{\text{Giá trị hạch toán TP tồn kho đầu kỳ và nhập kho trong kỳ}} \times \text{Hệ số giá}$$

Trong đó:

$$\text{Hệ số giá TP} = \frac{\text{Giá thực tế TP tồn kho đầu kỳ và nhập kho trong kỳ}}{\text{Tổng giá trị hạch toán TP tồn kho đầu kỳ và nhập kho trong kỳ}}$$

1.2. KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

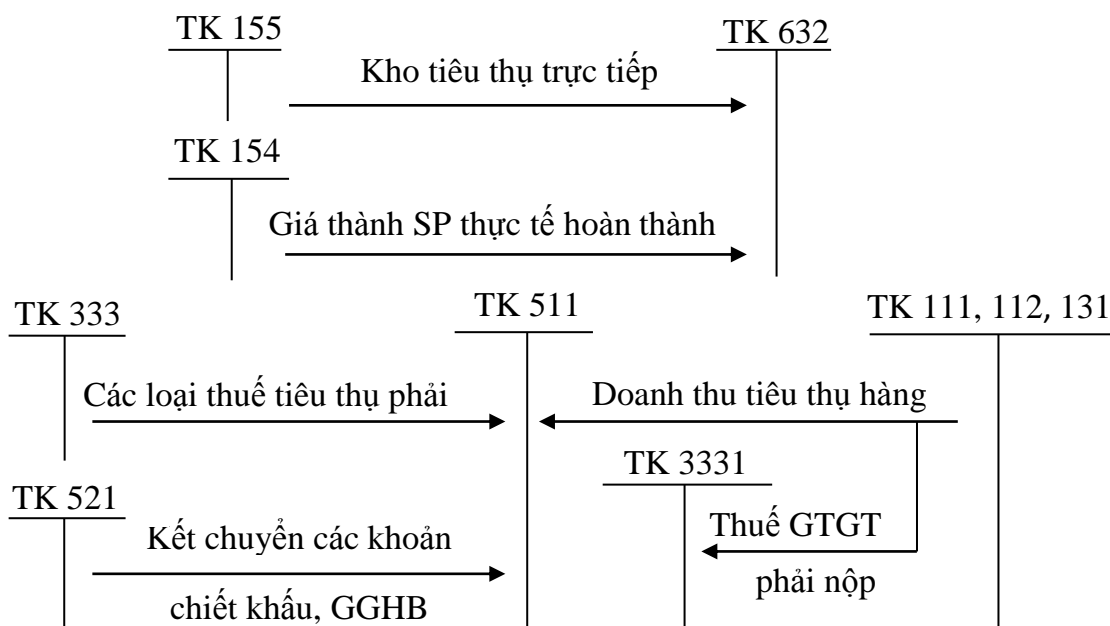
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ

Trong nền kinh tế thị trường các phương thức tiêu thụ rất đa dạng. Việc lựa chọn và áp dụng linh hoạt các phương thức này góp phần thúc đẩy khả năng tiêu thụ của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có thể tiến hành theo nhiều phương pháp khác nhau như:

a) Phương thức tiêu thụ trực tiếp

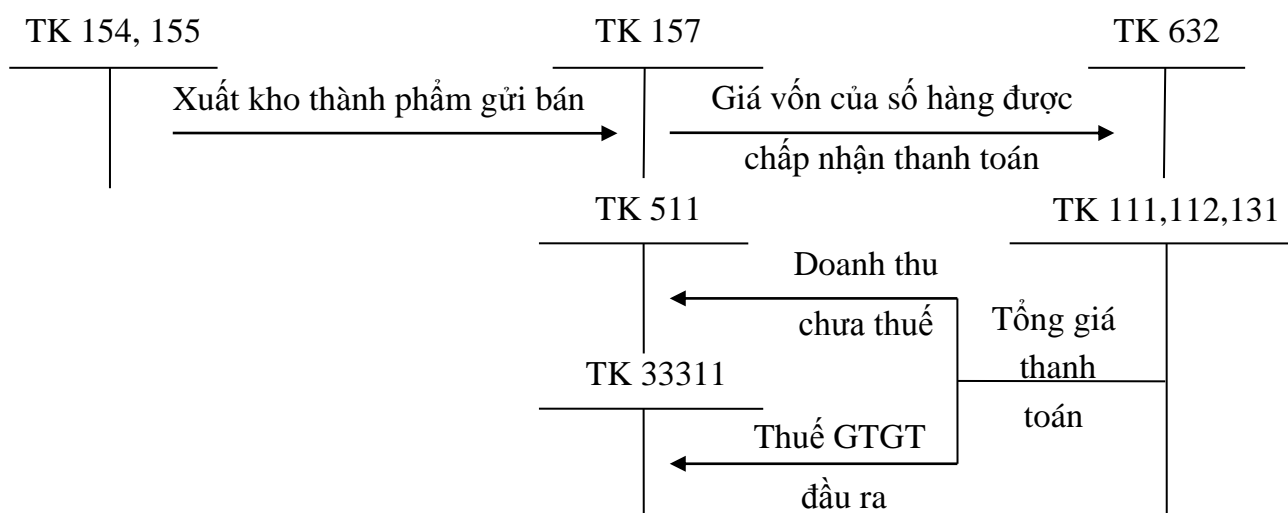
Tiêu thụ trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho hay tại các phân xưởng của doanh nghiệp. Số hàng sau khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.



Sơ đồ 1.1 – Kế toán tiêu thụ theo phương thức bán hàng trực tiếp

b) Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận

Là phương thức tiêu thụ mà bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc sở hữu của bên bán. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng được bên mua chấp nhận này thì mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu về số hàng đó.



Sơ đồ 1.2 – Kế toán tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận

c) Phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý bán đúng giá quy định của chủ hàng sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng (hoa hồng đại lý).

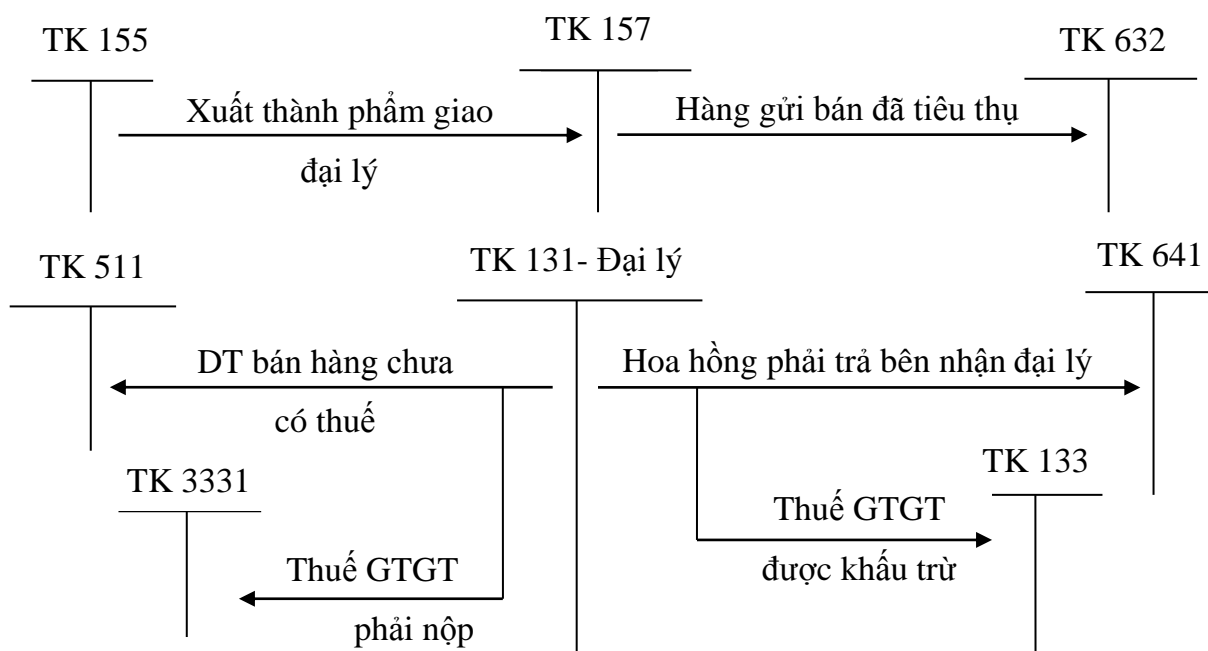
❖ Tại đơn vị giao đại lý (Chủ hàng)

Khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả lại cho đại lý hoặc bên được ký gửi một khoản hoa hồng, tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá ký gửi của số hàng hóa gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng đã trả này được doanh nghiệp phản ánh vào chi phí bán hàng.

Bên giao hàng hoá khi xuất hàng hoá chuyển giao cho cơ sở nhận làm đại lý có thể lựa chọn và đăng ký với cơ quan thuế cơ sở một trong hai cách sử dụng hóa đơn, chứng từ như sau:

+ Sử dụng hoá đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng để làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế GTGT. Theo cách này, ở bên giao đại lý hạch toán giống như trường hợp tiêu thụ trực tiếp.

+ Sử dụng phiếu xuất hàng gửi bán đại lý kèm lệnh điều động nội bộ. Khi đó trình tự kế toán ở bên giao đại lý như sau:

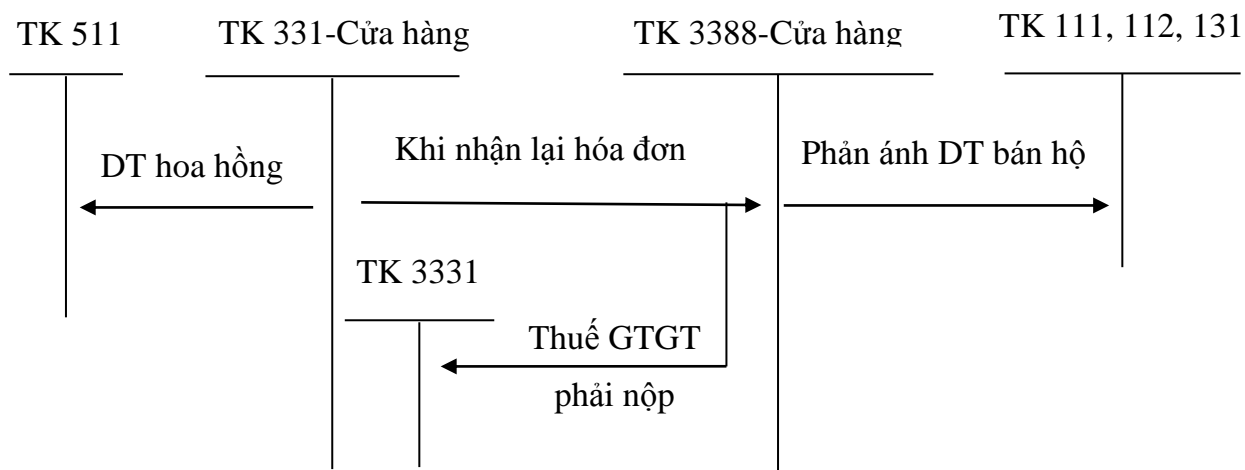


Sơ đồ 1.3 – Kế toán tiêu thụ theo phương thức đại lý, ký gửi (bên giao đại lý)

❖ Tại đơn vị nhận bán hàng đại lý

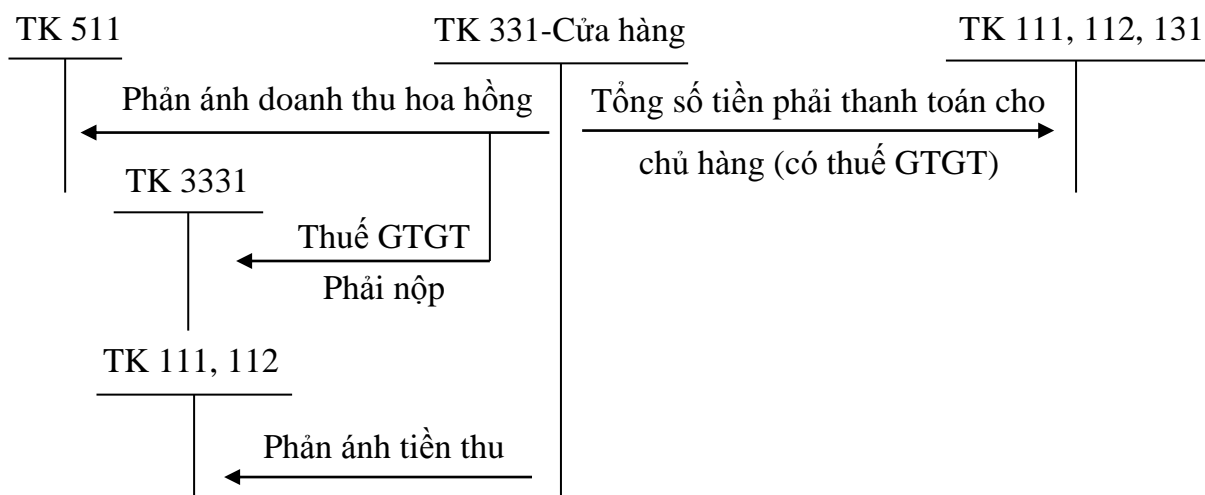
Số sản phẩm, hàng hóa nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng. Trong trường hợp đại lý bán đúng giá ký gửi của chủ hàng và hưởng hoa hồng thì không phải tính và nộp thuế GTGT đối với hàng hóa bán đại lý và tiêu thụ về hoa hồng.

✓ Nếu xuất hóa đơn của đại lý cho khách hàng



Sơ đồ 1.4 – Kế toán ở doanh nghiệp nhận đại lý xuất hóa đơn của đại lý

✓ **Nếu xuất hóa đơn của cửa hàng cho khách hàng**

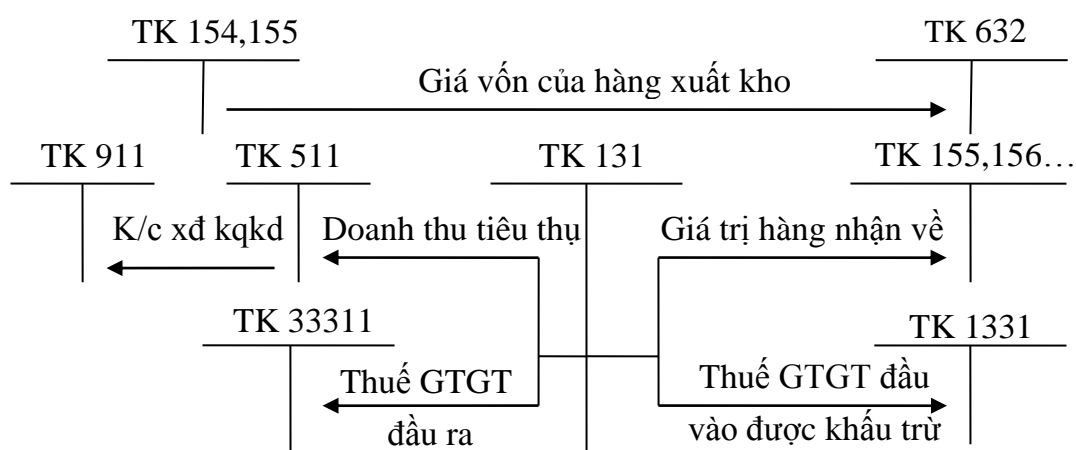


Sơ đồ 1.5 – Kế toán ở doanh nghiệp nhận đại lý xuất hóa đơn của cửa hàng

d) Phương thức trao đổi

Đây là phương thức tiêu thụ mà trong đó người bán đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa của mình để đổi lấy vật tư, hàng hóa của người mua. Giá trao đổi là giá bán của hàng hóa, vật tư đó trên thị trường.

Song cần chú ý ở đây rằng, khi hàng hóa được trao đổi để lấy hàng hoá khác tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là giao dịch tạo ra doanh thu. Chỉ khi hàng hóa được trao đổi để lấy hàng hoá không tương tự thì việc trao đổi đó mới được coi là giao dịch tạo ra doanh thu.

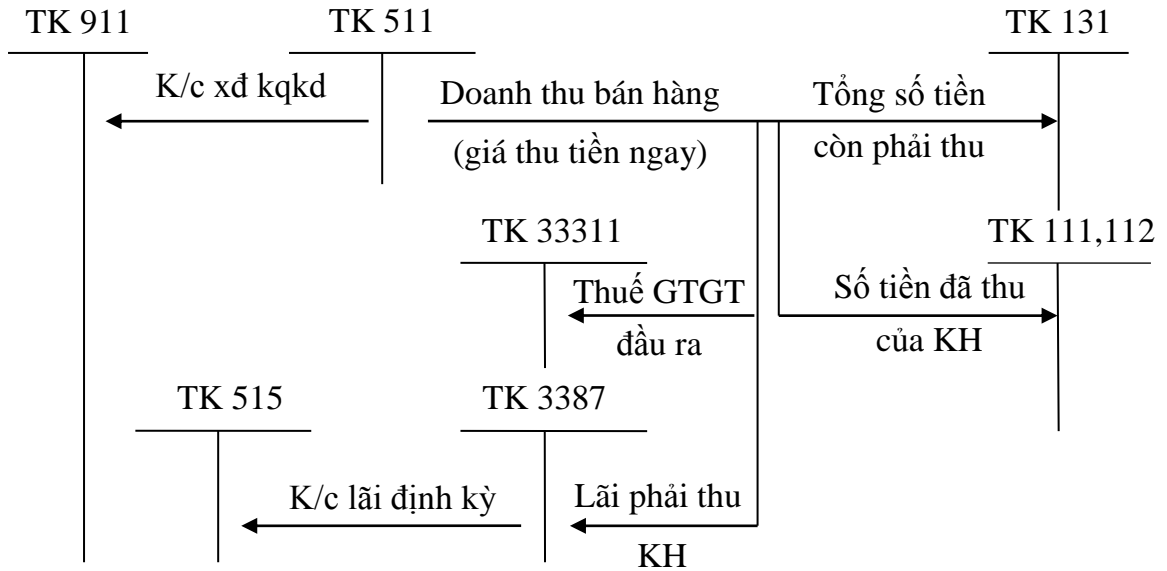


Sơ đồ 1.6 – Kế toán tiêu thụ theo phương thức trao đổi

e) Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ

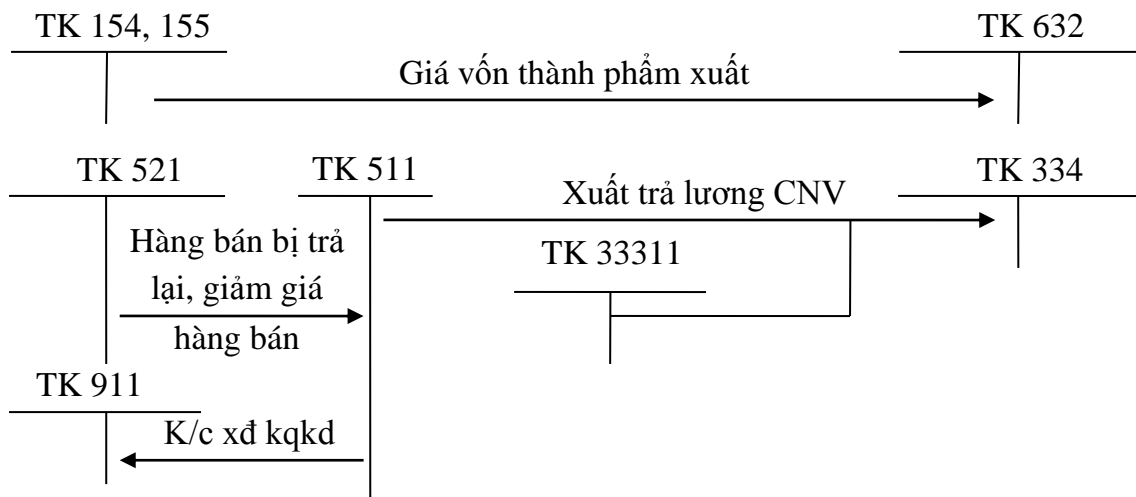
tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Về thực chất chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi bán hàng trả góp, trả chậm cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ.



Sơ đồ 1.7 – Kế toán tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp

f) Phương thức tiêu thụ nội bộ

Là phương thức tiêu thụ sản phẩm giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một Tập đoàn, Tổng công ty, Liên hiệp,.. Ngoài ra các trường hợp các doanh nghiệp xuất dùng vật tư, sản xuất, hàng hóa để sử dụng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo, trả lương, thưởng hay phục vụ sản xuất kinh doanh cũng được coi là tiêu thụ nội bộ.



Sơ đồ 1.8 – Kế toán tiêu thụ nội bộ trong doanh nghiệp

1.2.1.2. Nội dung kế toán

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 quy định chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng hoá, dịch vụ.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng CĐKT.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định thời điểm ghi nhận doanh thu là vấn đề quan trọng nhất trong kế toán doanh thu. Điều này ảnh hưởng đến tính đúng kỳ của doanh thu và là cơ sở xác định chính xác lợi nhuận trong kỳ. Đặc biệt đối với hàng hoá xuất khẩu việc ghi nhận doanh thu còn chịu sự chi phối của những thông lệ thương mại mà hợp đồng ngoại thương đã ký kết.

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. TK này chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán được xác định là tiêu thụ trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu tiền hay sẽ thu tiền.

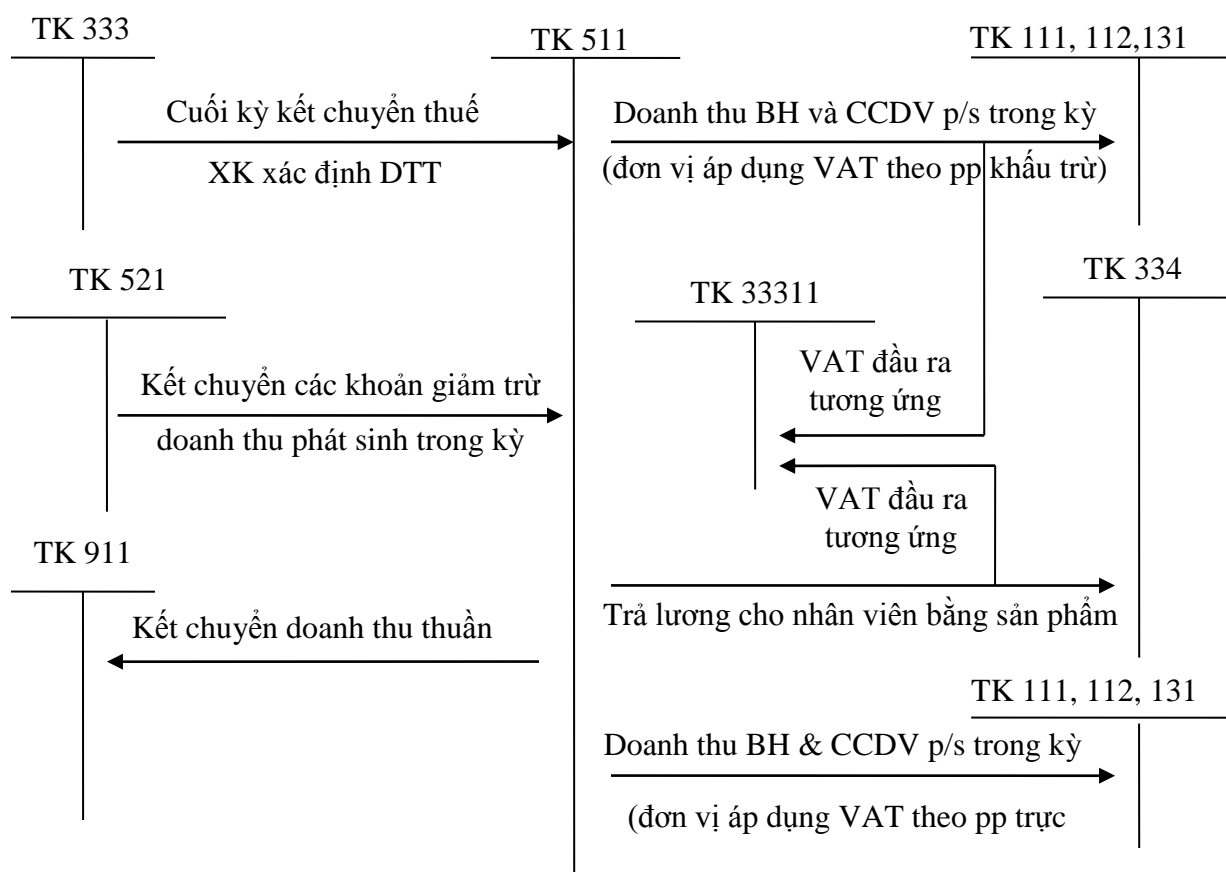
- Tài khoản này có 5 tài khoản cấp 2:

- + TK 5111 “Doanh thu bán hàng hóa”.
- + TK 5112 “Doanh thu bán các thành phẩm”.
- + TK 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”.
- + TK 5114 “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”.
- + TK 5117 “Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư”.
- + TK 5118 “Doanh thu khác”

1.2.1.4. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT: Dùng trong các doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT; Hoá đơn bán hàng thông thường: Dùng trong các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc trong trường hợp bán các mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT; Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi; Phiếu thu; Giấy báo Có của Ngân hàng, ...

1.2.1.5. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.9 – Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Khái niệm

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm hoặc bao

gồm toàn bộ các chi phí liên quan đến quá trình bán hàng, gồm có trị giá vốn hàng xuất kho để bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ, hoặc là giá thành thực tế của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả tiêu thụ trong kỳ.

Xác định giá vốn của hàng xuất kho để bán:

❖ Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán, hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay, chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc của thành phẩm hoàn thành.

❖ Đối với doanh nghiệp thương mại: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán ra bao gồm: trị giá thực mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

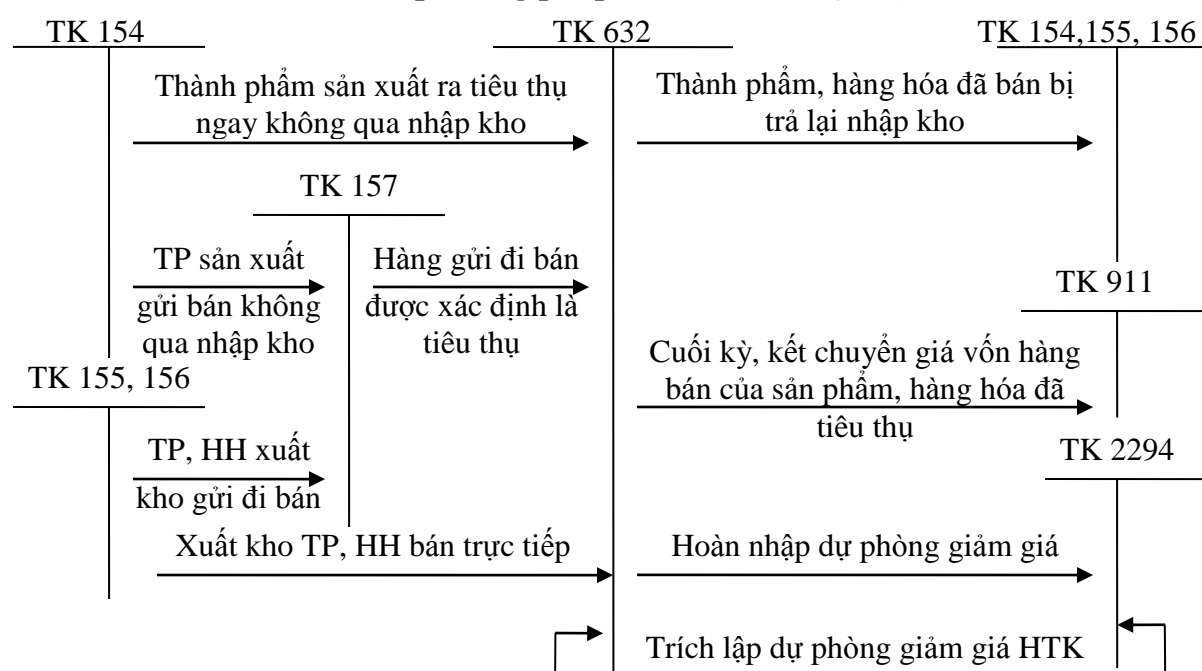
Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: dùng phản ánh giá trị của thành phẩm, hàng hoá cung cấp trong kỳ.

1.2.2.3. Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho; Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý; Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; Bảng tổng hợp nhập xuất tồn; Bảng phân phối giá vốn, ...

1.2.2.4. Phương pháp kế toán

a) Kế toán GVHB theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.10 – Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

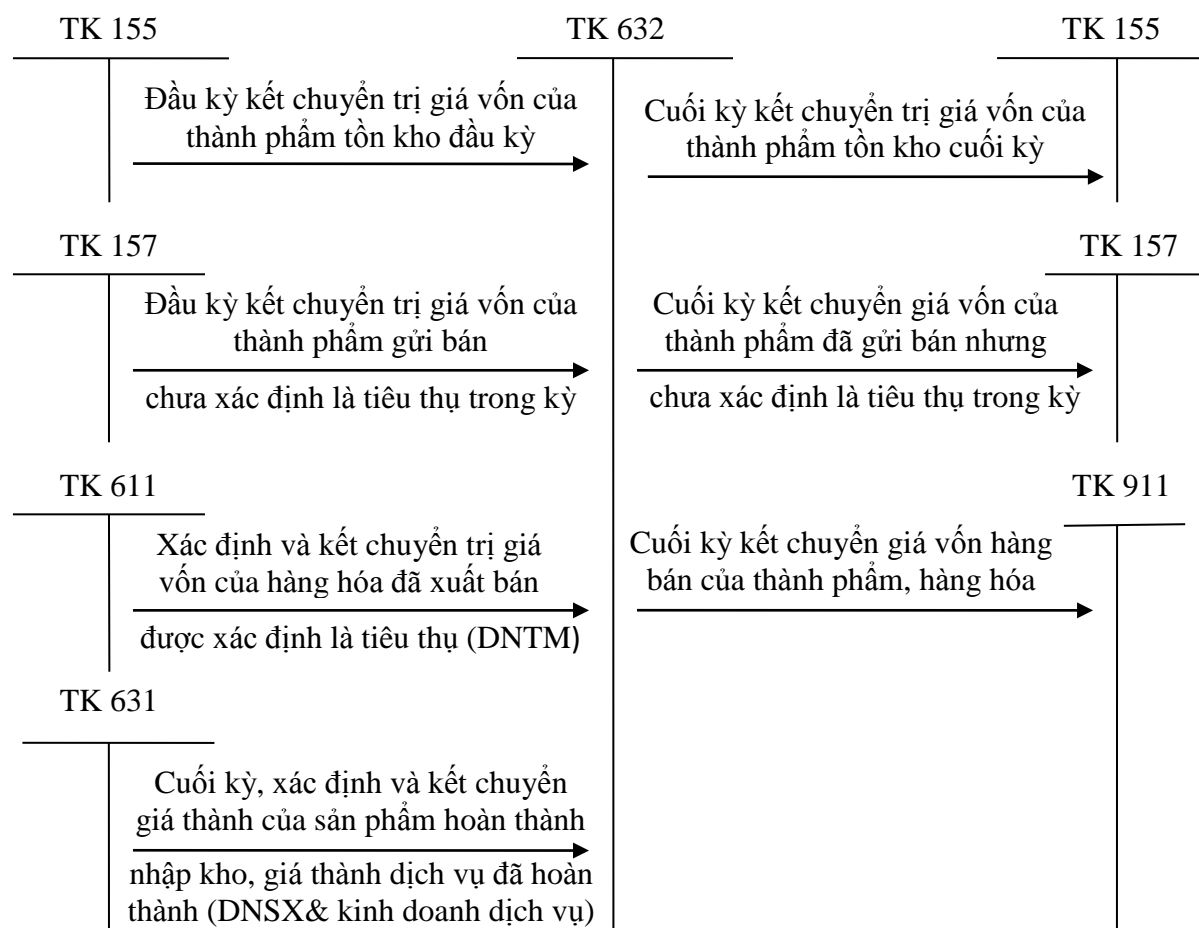
Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập - xuất - tồn kho vật tư, sản phẩm trên sổ kế toán. Tài khoản hàng tồn kho được sử dụng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm của vật tư, sản phẩm.

b) Kế toán GVHB theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra trị giá vật tư, hàng hoá đã xuất theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá sản} & & \text{Trị giá sản} & & \text{Trị giá sản} & & \text{Trị giá sản} \\ \text{phẩm xuất} & = & \text{phẩm tồn} & + & \text{phẩm nhập} & - & \text{phẩm tồn} \\ \text{kho trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kho trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Các giao dịch kinh tế chủ yếu liên quan tới giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được tóm tắt ở sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.11 – Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Theo phương pháp này, mọi biến động về vật tư không được theo dõi không được phản ánh trên tài khoản 152, giá trị vật tư mua vào được phản ánh trên tài khoản “ Mua hàng”.

Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3.1. Nội dung và tài khoản kế toán sử dụng

a) Chiết khấu thương mại

Nội dung: Chiết khấu thương mại là khoản mà người bán thưởng cho người mua do trong một khoảng thời gian nhất định đã tiến hành mua một khối lượng lớn hàng hoá (hồi khấu) và khoản giảm trừ trên giá bán niêm yết vì mua khối lượng hàng hoá trong một đơn vị (bớt giá). Chiết khấu thương mại được ghi trong các hợp đồng mua bán hoặc cam kết về mua, bán hàng.

Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng tài khoản 5211 “ Chiết khấu thương mại ”

b) Hàng bán bị trả lại

Nội dung: Hàng bán bị trả lại là số hàng đã coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối thanh toán. Tương ứng với hàng bán bị trả lại là giá vốn của hàng trả lại (tính theo giá vốn khi bán), doanh thu của hàng bị trả lại và thuế GTGT đầu ra phải nộp của hàng đã bán bị trả lại đó.

Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng tài khoản 5212 “ Hàng bán bị trả lại ”

c) Giảm giá hàng bán

Nội dung: Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời hạn, địa điểm trong hợp đồng, hàng cũ... tức là các lỗi do chủ quan của người bán.

Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng tài khoản 5213 “ Giảm giá hàng bán ”

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu

Nội dung: Khi bán hàng hoá nếu chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu kế toán ghi nhận giá bán bao gồm cả 2 loại thuế này, sau đó cuối tháng, xác định tổng số thuế phải nộp và kết chuyển làm giảm doanh thu.

Tài khoản sử dụng: TK 3332 “ Thuế TTĐB ”

TK 3333 “ Thuế xuất khẩu ”

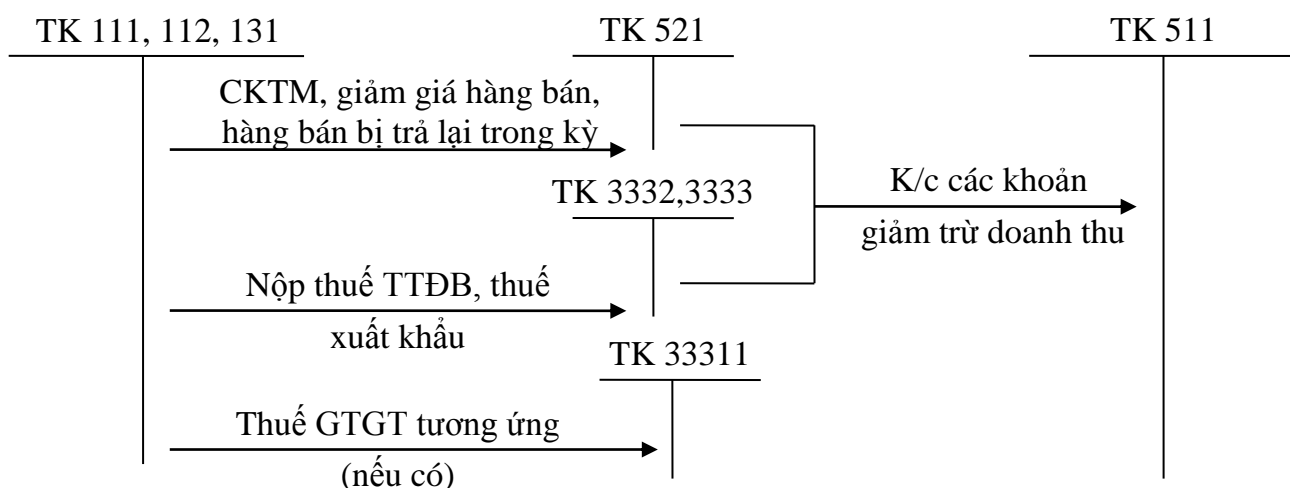
1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT, phiếu giao hàng, văn bản đề nghị giảm

giá hàng bán, hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua, bán hàng.

1.2.3.3. Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.12 – Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1. Khái niệm

a) Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ như: chi chí tiền lương của nhân viên bán hàng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn trích theo lương, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo, chi hoa hồng đại lý bán hàng, chi tiếp khách ở bộ phận bán hàng...

b) Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một bộ phận nào: Chi phí QLDN bao gồm nhiều loại như chi phí QLKD, chi phí quản lý hành chính, chi phí chung khác...

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng ”. Tài khoản này có 7 tài khoản cấp 2:
- + TK 6411: Chi phí nhân viên
- + TK 6412: Chi phí nguyên vật liệu, bao bì
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6214: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415: Chi phí bảo hành
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

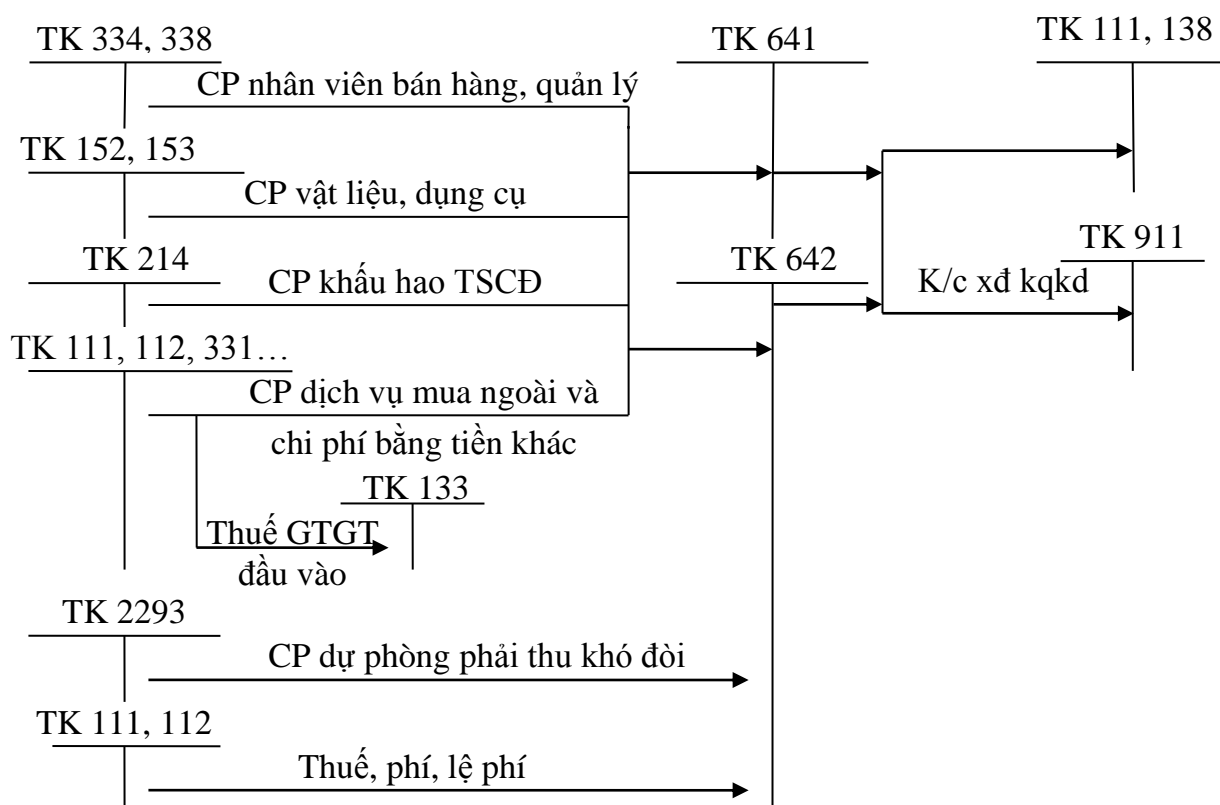
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác
Tài khoản 642 “ Chi phí QLDN ”. Tài khoản này có 8 tài khoản cấp 2:
 - + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
 - + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
 - + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
 - + TK 6426: Chi phí dự phòng
 - + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác
- Ngoài ra còn sử dụng một số tài khoản như: TK 111, TK 112, TK 131...

1.2.4.3. Chứng từ sử dụng

Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định; Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Phiếu xuất kho, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý; Hóa đơn GTGT, Phiếu chi; Báo cáo bán hàng...

1.2.4.4. Phương pháp kế toán

Quy trình kế toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN được khái quát qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.13 – Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.5.1. Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính: Là toàn bộ số tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính của DN như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, lãi cho thuê tài chính...

➤ Nội dung doanh thu hoạt động tài chính:

- Tiền lãi: lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; lãi cho thuê tài chính.
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn dài hạn.
- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch lãi bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

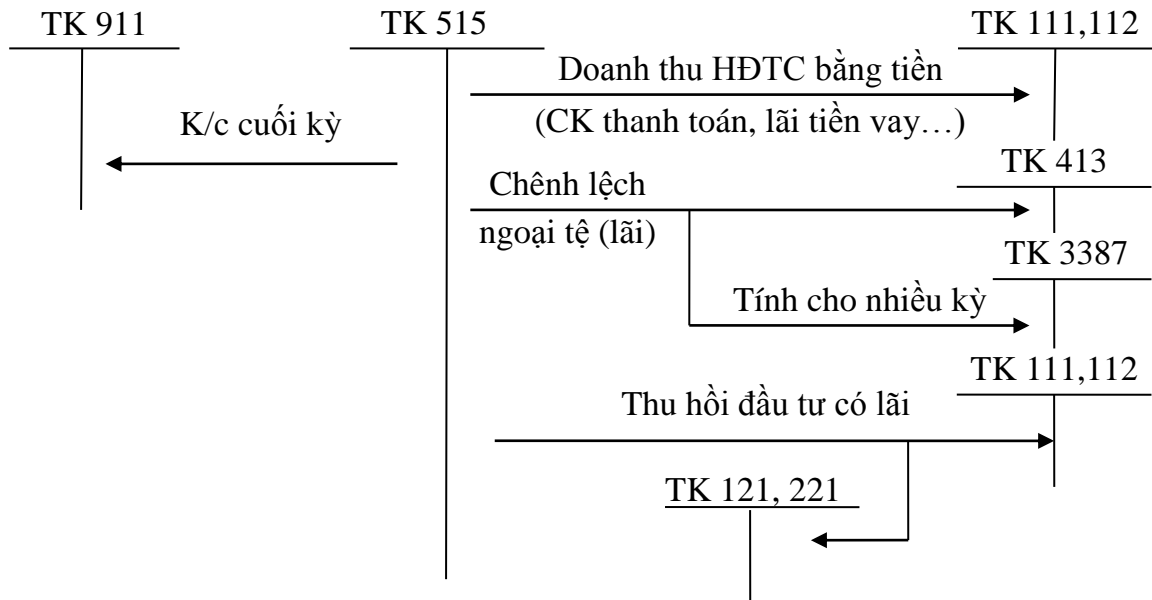
Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính ” được sử dụng để phản ánh toàn bộ các khoản doanh thu và các khoản ghi giảm doanh thu thuộc hoạt động tài chính được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản đó thực tế đã thu hay sẽ thu trong kỳ sau; tiền lãi nhận được từ các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu thì có phần tiền lãi các kỳ mà doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư này mới được ghi nhận là doanh thu phát sinh trong kỳ; đối với các khoản thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền thu được do bán bất động sản.

1.2.5.3. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng.
- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu; Các hợp đồng vay vốn.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.5.4. Phương pháp kế toán

Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính được thể hiện ở sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1.14 – Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.6. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.2.6.1. Khái niệm

Chi phí tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 “Chi phí hoạt động tài chính” được sử dụng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính.

➤ Tài khoản này có kết cấu :

Bên Nợ: Các khoản chi phí của hoạt động tài chính

- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản phải thu dài hạn có gốc ngoại tệ.

Bên Có: Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

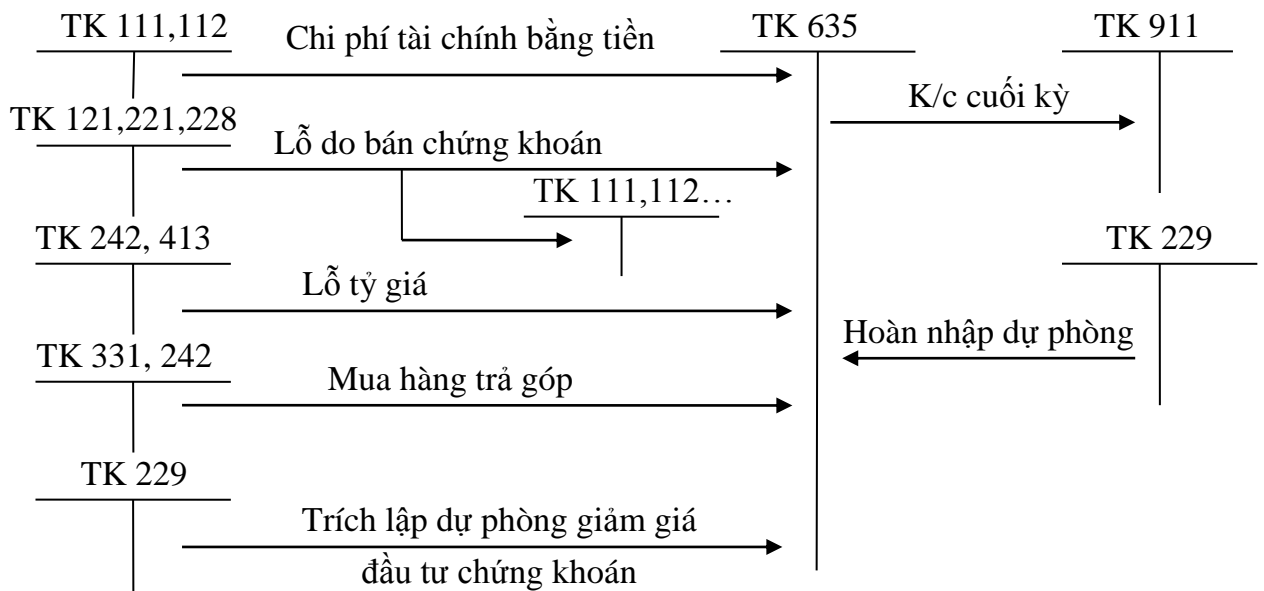
- Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ lãi vay
- Bảng thanh toán hoa hồng đại lý.
- Giấy nộp tiền;
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.6.4. Phương pháp kế toán

Quy trình kế toán chi phí hoạt động tài chính được thể hiện ở sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1.15 – Kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.2.7. Kế toán hoạt động khác

1.2.7.1. Kế toán thu nhập khác

a) **Khái niệm:** Thu nhập khác là các khoản mà đơn vị không dự tính trước, hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc những khoản thu không mang tính chất thường xuyên. Thu nhập khác của DN bao gồm:

- Thu do thanh lý nhượng bán TSCĐ.
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng.
- Khoản chênh lệch giữa giá trị vốn góp được đánh giá lớn hơn giá trị khi sổ kế toán khi DN góp vốn liên doanh, liên kết đầu tư dài hạn khác.
- Thu được các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản nợ không xác định được chủ.

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu.
- Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.
- Thu nhập từ quà biếu quà tặng bằng tiền của các tổ chức hoặc cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của năm trước bị bỏ sót đến năm nay mới phát hiện.

b) Tài khoản sử dụng

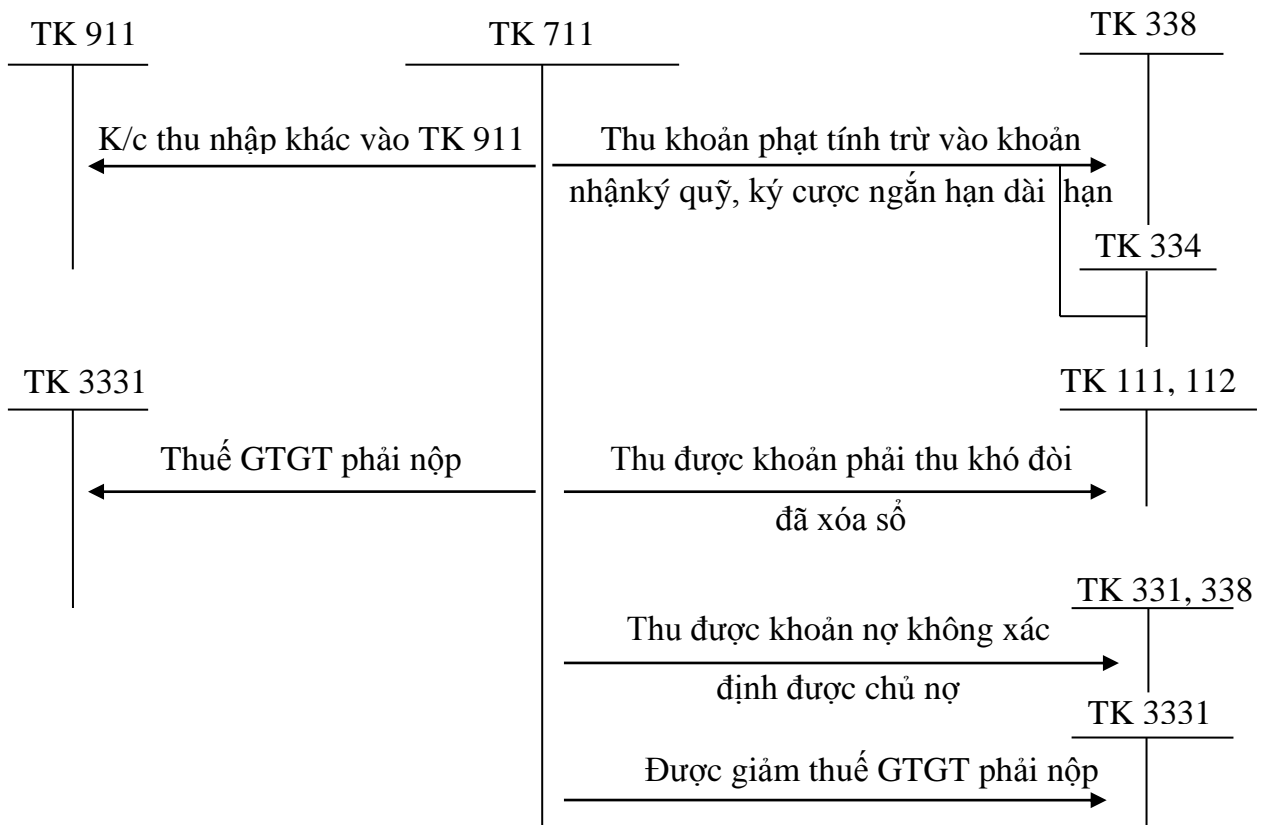
Tài khoản 711 – “Thu nhập khác” dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác cùng các khoản ghi giảm thu nhập khác ngoài hoạt động tiêu thụ và hoạt động đầu tư tài chính của DN.

c) Chứng từ sử dụng

Hóa đơn bán hàng, hóa đơn bán lẻ; phiếu thu (tiền thanh lý TSCĐ...); biên bản đánh giá TSCĐ đi đầu tư; Quyết định của chi cục/ cục thuế, hải quan; bảng thanh toán tiền vi phạm hợp đồng; các chứng từ khác có liên quan.

d) Phương pháp kế toán

Quy trình kế toán thu nhập khác được thể hiện ở sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1.16 – Kế toán thu nhập khác

1.2.7.2. Kế toán chi phí khác

a) *Khái niệm*

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN mang lại, cũng có thể những khoản chi phí bỏ sót từ những năm trước khi lên BCTC, những khoản chi phí bất thường, những khoản chi phí bất thường có thể là do chủ quan DN hoặc khách quan mang lại.

Các khoản chi phí khác có thể là:

- Chi thanh lý, nhượng bán.
- Giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.
- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ kế toán.
- Chi phí để thu tiền phạt, bị phạt, truy nộp thuế.
- Bị phạt tiền ký quỹ do không thực hiện đúng cam kết đã ký.
- Khoản chênh lệch giữa giá trị vốn góp được đánh giá nhỏ hơn giá trị ghi sổ kế toán khi DN góp vốn liên doanh, liên kết.
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

b) *Tài khoản sử dụng*

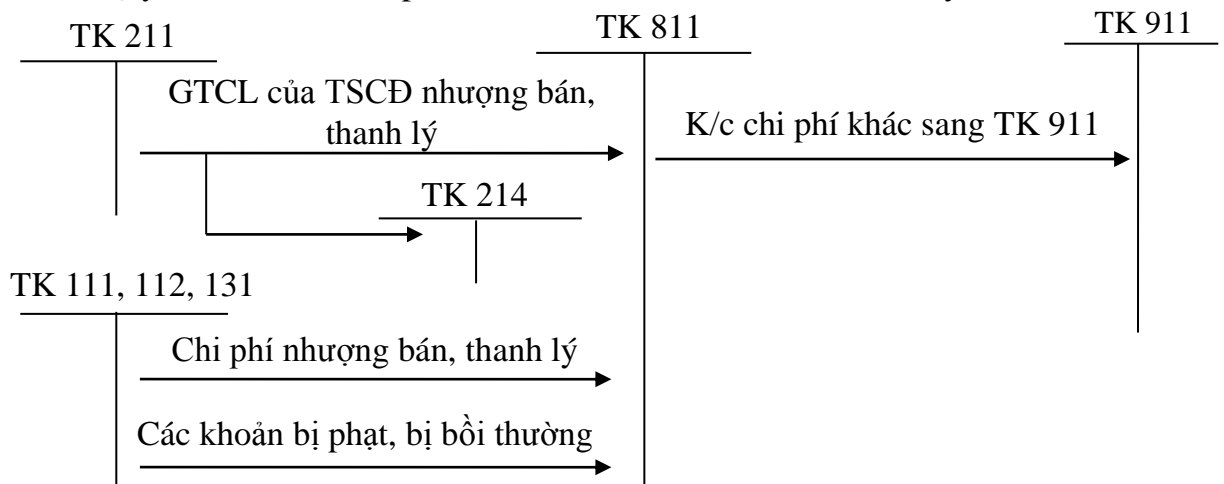
Tài khoản 811 – “ Chi phí khác ” được sử dụng để phản ánh các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động khác của doanh nghiệp.

c) *Chứng từ sử dụng*

Hóa đơn bán hàng; phiếu chi (tiền bị phạt...); biên bản đánh giá TSCĐ đi đầu tư; Quyết định của chi cục/ cục thuế, hải quan; bảng thanh toán hàng gửi đại lý; giấy nộp tiền; các chứng từ khác có liên quan...

d) *Phương pháp kế toán*

Quy trình kế toán chi phí khác được thể hiện ở sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1.17 – Kế toán chi phí hoạt động khác

1.2.8. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.8.1. Khái niệm

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành: Là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại: Là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp trong tương lai phát sinh từ ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm, hoàn nhập tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.2.8.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821: “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ” dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản này không có số dư, chi tiết thành hai tài khoản:

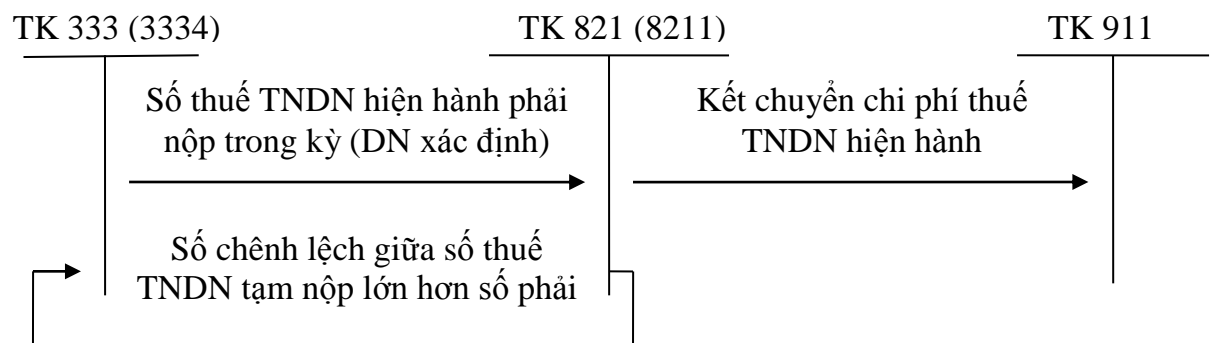
- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

1.2.8.3. Chứng từ sử dụng

- Các tờ khai tạm nộp / quyết toán thuế TNDN hàng năm.
- Thông báo thuế và biên lai nộp thuế, ...

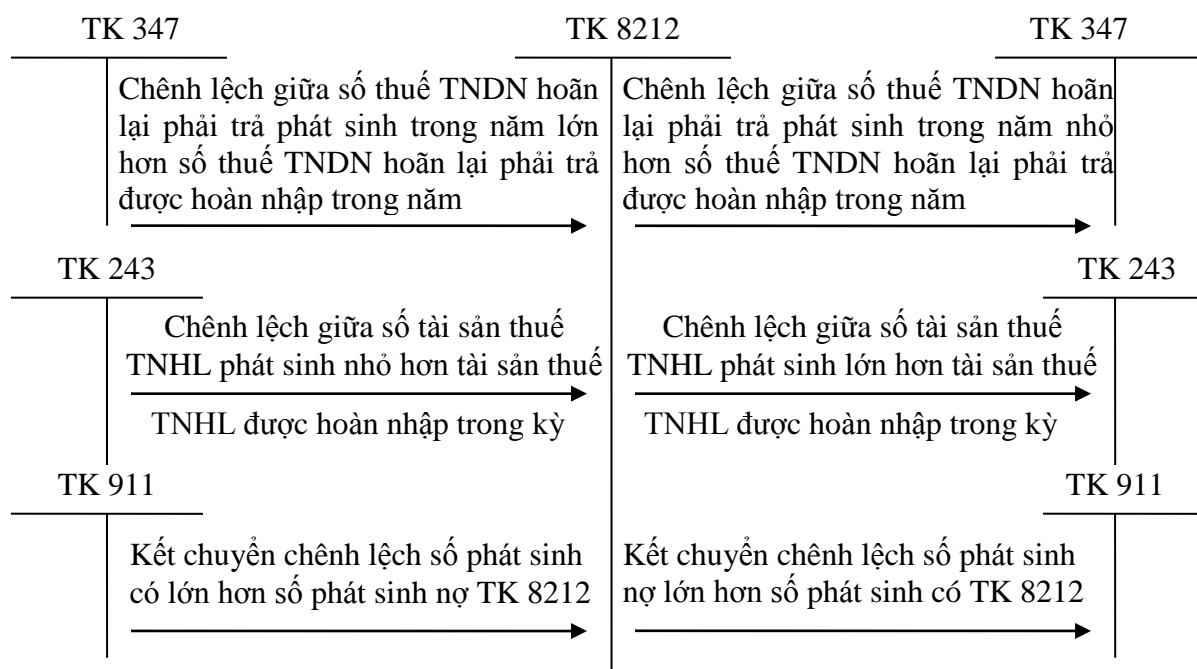
1.2.8.4. Phương pháp kế toán

➤ Quy trình kế toán thuế TNDN hiện hành được thể hiện thông qua sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1.18 – Kế toán thuế TNDN hiện hành

➤ Quy trình kế toán thuế TNDN hoãn lại được thể hiện qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.19 – Kế toán thuế TNDN hoãn lại

1.2.9. Kế toán kết quả kinh doanh

1.2.9.1. Khái niệm

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Theo đó kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu đạt được và tổng chi phí phải bỏ ra trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bằng lãi (nếu doanh thu lớn chi phí) và lỗ (nếu doanh thu nhỏ hơn chi phí).

– Kết quả hoạt động tài chính: là chênh lệch giữa thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

– Kế toán hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2.9.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh ”: Tài khoản này được xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài khoản 421 “ Lợi nhuận chưa phân phối ”.

1.2.9.3. Chứng từ sử dụng

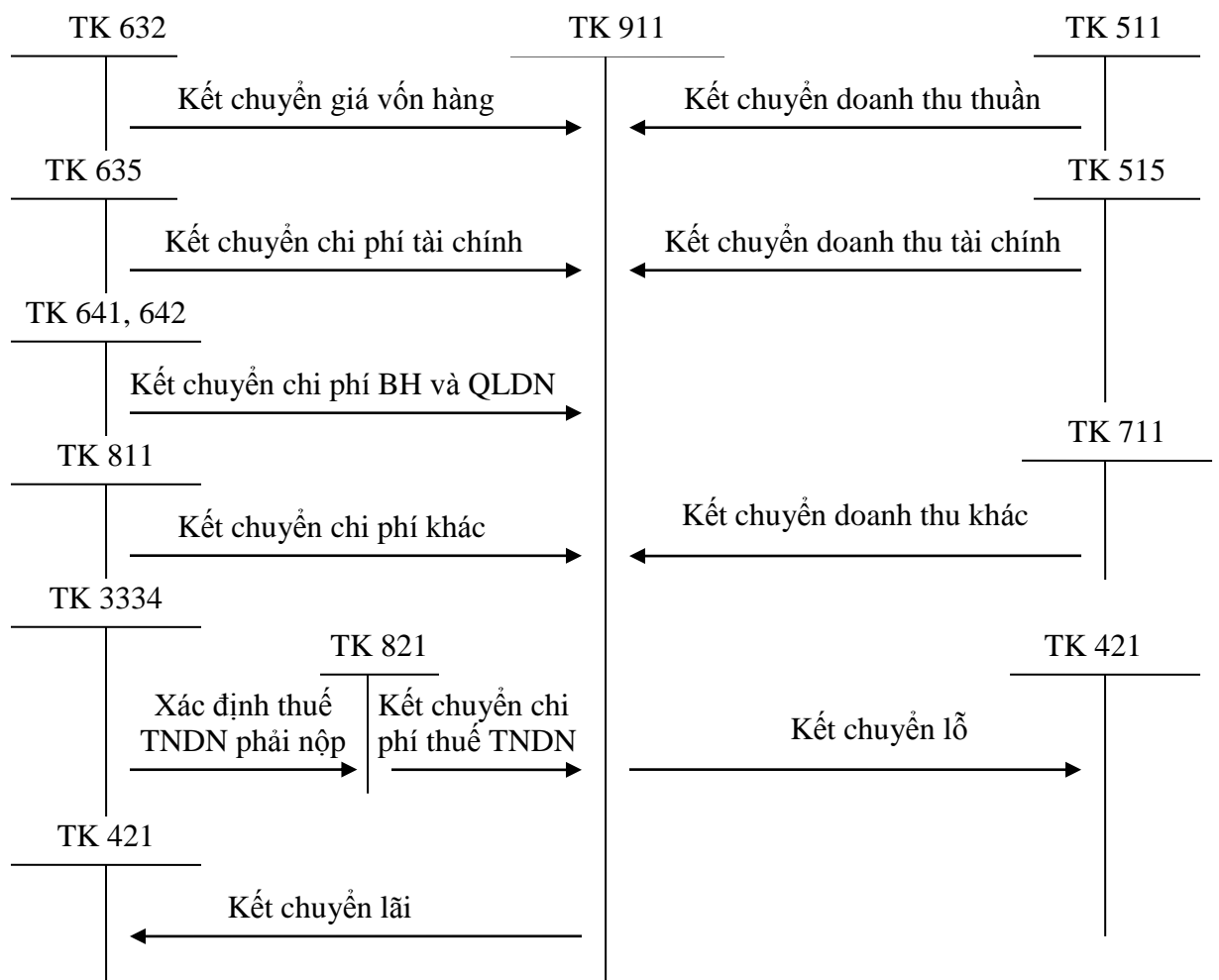
– Chứng từ gốc phản ánh các khoản doanh thu, chi phí như hóa đơn GTGT,

hóa đơn bán hàng thông thường, bảng phân bổ tiền lương và BHXH, bảng phân bổ nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, ...

- Bảng tính kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động khác.
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng.
- Phiếu kết chuyển.
- Các chứng từ tự lập khác...

1.2.9.4. Phương pháp kế toán

Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện thông qua sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1.20 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.1.1. Quá trình hình thành

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện Bình Định viết tắt là BIHECCO; được thành lập năm 1978 với tên gọi là Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi, thủy điện – thuộc Công ty thủy lợi tỉnh Nghĩa Bình. Năm 1993 thành lập lại DNNN là Xí nghiệp khảo sát thiết kế Thủy lợi - Thủy điện Bình Định. Năm 1995 thực hiện Quyết định số 2819/QĐ-UB ngày 14/12/1995 của UBND tỉnh Bình Định về việc chuyển đổi Xí nghiệp khảo sát thiết kế Thủy lợi - Thủy điện Bình Định thành Công ty Tư vấn khảo sát thiết kế Thủy lợi - Thủy điện Bình Định. Năm 2004 thực hiện Quyết định số 99/2004/QĐ-UB ngày 12/10/2004 của UBND tỉnh Bình Định về việc chuyển đổi Công ty Tư vấn khảo sát thiết kế Thủy lợi - Thủy điện Bình Định thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện Bình Định là cơ quan chủ đạo về khảo sát, thiết kế các dự án công trình thủy lợi vừa và nhỏ của tỉnh Bình Định.

Qua hơn 36 năm hoạt động, Công ty đã khảo sát, thiết kế trên 300 công trình thủy lợi tưới tiêu cho hàng triệu hecta đất trồng trọt góp phần phát triển kinh tế và cải thiện dân sinh của tỉnh Bình Định.

❖ Tên và địa chỉ trụ sở

– Tên hiện hành: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định.

– Tên viết tắt: (BìnhDinh Hydraulic Hydroelectric Engineering Consultant Joint Stock Company) BIHECCO.

– Mã số thuế: 4100259324

❖ Địa chỉ:

– 307 Nguyễn Thị Minh Khai – TP. Quy Nhơn – Tỉnh. Bình Định

– Điện thoại: (056) 3846.570

– Fax: 3647.159 – BIHECCO307@gmail.com

2.1.1.2. Thời điểm thành lập và các mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Quyết định số 51/QĐ/UB ngày 29/6/1978 của UBND tỉnh Nghĩa Bình về việc Thành lập Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi, thủy điện – thuộc Công ty Thủy lợi.

Quyết định số 393/QĐ-UB ngày 12/02/1993 của UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập lại DNNN là Xí nghiệp khảo sát thiết kế Thủy lợi - Thủy điện Bình Định.

Quyết định số 2819/QĐ-UB ngày 14/12/1995 của UBND tỉnh Bình Định về việc chuyển đổi Xí nghiệp khảo sát thiết kế Thủy lợi - Thủy điện Bình Định thành Công ty Tư vấn khảo sát thiết kế Thủy lợi - Thủy điện Bình Định.

Quyết định số 99/2004/QĐ-UB ngày 12/10/2004 của UBND tỉnh Bình Định về việc chuyển đổi Công ty Tư vấn khảo sát thiết kế Thủy lợi - Thủy điện Bình Định thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện Bình Định.

Quyết định số 1265/QĐ-BXD ngày 17/10/2008 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc công nhận năng lực thực hiện các phép thử của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định, mã số LAS – XD 708.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 11/ 01/ 2011.

Như vậy, công ty đã trải qua các mốc thời gian quan trọng trong quá trình hình thành để có thể phát triển như hiện nay.

2.1.1.3. Quy mô của Công ty

Đến nay vốn điều lệ của công ty năm 2015 là 2.600.000.000 (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) và tổng vốn kinh doanh đến thời điểm 31/12/2015 là:

- Tồn tại dưới hình thái tài sản:
- + Tài sản ngắn hạn: 10.135.983.872 đồng
- + Tài sản dài hạn: 1.456.524.000 đồng
- Tồn tại dưới hình thái nguồn vốn:
- + Nguồn vốn chủ sở hữu: 4.029.630.059 đồng
- + Nguồn nợ phải trả: 7.562.877.813 đồng

Tổng số lao động hiện có của Công ty là 46 người. Như vậy theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 của Chính phủ “ Về trợ giúp phát triển DN vừa và nhỏ ” thì Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định có quy mô vừa và nhỏ.

2.1.1.4. Kết quả kinh doanh và đóng góp vào ngân sách của Công ty

Qua hơn 36 năm hoạt động Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định đã không ngừng nâng cao năng lực trong sản xuất góp phần công lao của mình trong việc xây dựng những công trình xây dựng thủy lợi thủy điện của đất nước, đóng góp không ít vào ngân sách Nhà nước, cũng như ngày càng cố gắng nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty để góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, cụ thể bảng dưới đây trích bảng kết quả hoạt động kinh doanh của công ty qua các năm 2014 - 2015.

Bảng 2.1 – Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Chênh lệch 2015/2014	
				+/-	%
1	Doanh thu	4.375.291.730	4.581.552.731	+206.261.001	+4, 71
2	Lợi nhuận trước thuế	584.870.000	526.763.463	(58.106.537)	(9,93)
3	Thuế TNDN nộp ngân sách	116.974.000	105.352.693	(11.621.307)	(9,94)
4	Lợi nhuận sau thuế	467.896.000	421.410.770	(46.485.230)	(9,94)

(Nguồn : Phòng tổng hợp)

Qua những số liệu thu thập được cũng như quá trình thực tập thực tế tại Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định em thấy rằng mặc dù trong giai đoạn kinh tế cả nước đang khó khăn nhưng kết quả kinh doanh của Công ty tương đối ổn định, điều này được thể hiện thông qua bảng kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2014 và 2015, Công ty liên tục làm ăn có lãi, thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước đầy đủ, để đạt được những điều này cho thấy các thành viên trong Công ty đã rất nỗ lực trong công việc cũng như các chính sách phát triển đưa ra kịp thời, đúng đắn giúp Công ty đứng vững trên lĩnh vực có rất nhiều đối thủ cạnh tranh này.

Từ những số liệu được tính toán ở trên ta thấy rằng ở năm 2015 doanh thu của Công ty cao hơn so với năm trước đó, cụ thể là ở năm 2015 doanh thu tăng

206.261.001 đồng so với năm 2014, nhưng ngược lại lợi nhuận sau thuế giảm 9,94% so với năm 2014, mặc dù trong năm chi phí tăng cao hơn so với năm trước nhưng nhờ việc cố gắng kiểm soát cùng với các biện pháp làm tăng doanh thu nên lợi nhuận sau thuế vẫn cao. Việc doanh thu tăng lên là một dấu hiệu tốt cho thấy Công ty đã không ngừng mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tạo được uy tín trên thị trường... nhưng bên cạnh đó thì chi phí cũng tăng lên đáng kể và tốc độ tăng nhanh chóng hơn so với doanh thu, chính điều này đã làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty biến động so với các năm trước đó, việc tăng lên của chi phí có thể do nhiều nguyên nhân, đặc biệt là trong năm vừa qua Công ty đã tuyển dụng thêm nhiều nhân sự mới, điều này đã làm cho chi phí tiền lương phải trả nhiều hơn trước, trong khi đó những nhân sự mới tuyển vào lại chưa có kinh nghiệm làm việc nên cần có thời gian đào tạo và chưa mang lại nhiều hiệu quả trong công việc, do đó Công ty còn tồn một khoản chi phí để đào tạo lại cho phù hợp với tính chất công việc. Tuy nhiên đây cũng là một tiền đề cho sự phát triển lâu dài của Công ty, vì Công ty có nhiều nhân sự trẻ, nhiệt tình, trình độ cao và sẵn sàng đi công tác lâu dài nếu Công ty yêu cầu. Ngoài việc tăng lên của chi phí tiền lương, tiền công thì các khoản chi không đúng mục đích, chi vượt mức cho phép Công ty cần kiểm soát như chi phí điện, nước, tiếp khách. Việc tăng chi phí ở Công ty cũng có thể là do chi phí NVL trong kỳ tăng lên, giá cả thị trường biến động,... Do vậy, Công ty cần có những chính sách phù hợp để tiết kiệm các khoản chi phí không cần thiết trên.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty

2.1.2.1. Chức năng của Công ty

Công ty hoạt động theo quy chế và thực hiện nghĩa vụ của mình theo đúng ngành nghề đã đăng ký, là doanh nghiệp hạch toán độc lập với đầy đủ tư cách pháp nhân. Lĩnh vực của Công ty là thiết kế và lập dự toán các công trình thủy lợi, giao thông, kỹ thuật hạ tầng đô thị, dân dụng, công nghiệp và các công trình thủy điện nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đất nước, đóng góp vào ngân sách Nhà nước, tạo công ăn việc làm cho người lao động từng bước cải thiện đời sống cán bộ công nhân trong Công ty và từ đó nâng cao lợi nhuận.

2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty

- Công ty kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký.
- Khảo thiết kế các dự án công trình thủy lợi vừa và nhỏ.
- Khai tốt các nguồn vốn có lợi, đổi mới các thiết bị lạc hậu.
- Chủ động nghiên cứu ứng dụng vào xây dựng và áp dụng các điều chỉnh cho

định mức một cách nghiêm túc nhằm tăng tuổi thọ máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng công trình. Từ đó, tăng sự tin cậy của khách hàng, mở rộng phạm vi hoạt động.

- Bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh, đảm bảo lợi tức cho các cổ đông, ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động.
- Thực hiện tốt các chính sách, chế độ là luật lệ về quản lý tài sản, thực hiện nguyên tắc trả lương theo công việc phù hợp với nhiệm vụ của từng người.
- Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định và chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng quản lý nhà nước.

2.1.2.3. Quyền hạn của Công ty

- Công ty có quyền lựa chọn mở rộng quy mô về ngành nghề kinh doanh. Ngoài ra, có thể thay đổi cơ cấu sản xuất thích ứng với nhu cầu thị trường nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.
- Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- Công ty có quyền tuyển dụng và thuê mướn lao động theo yêu cầu kinh doanh.
- Công ty có quyền phát hành, chuyển nhượng, mua bán các cổ phiếu theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Công ty có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định về chứng khoán.
- Công ty có quyền được vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. Đồng thời được tự lựa chọn các hình thức huy động vốn.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

2.1.3.1. Loại hình kinh doanh

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định là Công ty hoạt động theo luật doanh nghiệp chuyên lập dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện; khảo sát địa hình, địa chất và thiết kế, thẩm định các công trình bàn giao.

2.1.3.2. Ngành nghề kinh doanh

- Khảo sát địa hình, địa chất và thủy văn.
- Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đất, đá và vật liệu xây dựng.
- Quy hoạch thủy lợi, giao thông, quy hoạch chi tiết các khu dân cư, nông thôn, đô thị và khu công nghiệp.
- Lập dự án đầu tư, tổng mức đầu tư các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng, công nghiệp và cấp thoát nước.
- Tư vấn giám sát kỹ thuật xây dựng

- Thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, bản vẽ thi công - dự toán chi tiết các công trình thủy lợi từ nhóm B trở xuống, công trình thủy điện nhỏ, công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp và cấp thoát nước.
- Thẩm định các công trình thủy lợi, giao thông, xây dựng và cấp thoát nước.
- Tư vấn đấu thầu và lập hồ sơ mời thầu.
- Đánh giá hiện trạng, xác định các nguyên nhân sự cố các công trình thủy lợi, dân dụng và kỹ thuật hạ tầng; kiểm định công trình xây dựng.

2.1.4. Thị trường đầu vào và đầu ra của Công ty

2.1.4.1. Thị trường đầu vào

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định ký kết các hợp đồng thiết kế về công trình thủy lợi, thủy điện, cơ sở hạ tầng với UBND tỉnh, thành phố và các xã lân cận. Mua các loại vật liệu như giấy, kẹp,... tại các nơi sản xuất và các văn phòng phẩm.

2.1.4.2. Thị trường đầu ra

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định chuyên nhận tư vấn, thẩm định và thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nên thị trường đầu ra của Công ty là UBND tỉnh, ban quản lý các dự án các tỉnh miền trung và Tây Nguyên,... Bên cạnh đó còn nhận thiết kế cho các Công ty xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2.1.5. Đặc điểm nguồn lực chủ yếu của Công ty

2.1.5.1. Đặc điểm tài sản cố định

Bảng 2.2 – Đặc điểm tài sản cố định

	Năm 2015		
	Nguyên giá TSCĐ hữu hình	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại của TSCĐ
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.082.550.760	721.700.506	360.850.254
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.134.256.540	567.128.270	567.128.270
TSCĐ khác	234.150.000	163.905.000	70.245.000
Tổng cộng	2.450.957.300	1.452.733.776	998.223.524

(Nguồn: Phòng tổng hợp)

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh bên cạnh sức lao động và đối tượng lao động còn cần phải có tư liệu lao động. Công ty đã trang bị đầy đủ tài sản cố định cần thiết để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cạnh đó Công ty đã tổ chức tốt công tác hạch toán thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình tăng giảm tài sản cố định về số lượng và giá trị, tình hình sử dụng và hao mòn để quản lý và sử dụng hợp công suất tài sản, tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng giúp dễ dàng cho việc đánh giá tài sản.

2.1.5.2. Đặc điểm lao động

Bảng 2.3 – Cơ cấu nhân lực của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015 (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ		
1	Đại học	18	39,1
2	Cao đẳng	12	26,2
3	Trung cấp	6	13
4	Công nhân qua đào tạo nghiệp vụ	10	21,7
II	Theo giới tính		
1	Nam	37	80,43
2	Nữ	9	19,57
Tổng số lao động		46	

(Nguồn : Phòng tổng hợp)

Để đảm bảo đầy đủ về tiến độ hoạt động sản xuất kinh doanh được phát triển một cách liên tục nhanh chóng cũng như phù hợp với từng khâu sản xuất Công ty đã tổ chức cơ cấu lao động theo nhiều cấp bậc khác nhau: theo trình độ chuyên môn, theo giới tính, ... Tính đến nay tổng số lao động của Công ty là 46 người được bố trí phù hợp với tình hình của đơn vị và năng lực của từng cán bộ nhân viên.

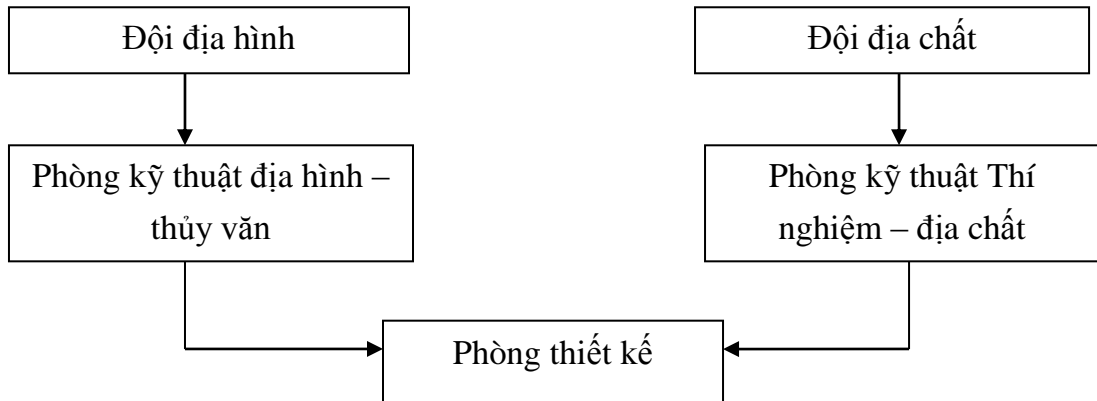
Trong quá trình thực tập tại Công ty em nhận thấy Công ty có đội ngũ công nhân viên trẻ năng động và có trình độ từ trung cấp trở lên có tinh thần làm việc tốt và hiệu quả. Bên cạnh đó, còn có chuyên môn cao kỹ thuật lành nghề đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ ngày càng cao của Công ty trong cơ chế thị trường cạnh tranh gay gắt hiện nay.

Công ty luôn áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến cũng như các các thiết bị cần thiết phục vụ cho mọi công việc và hoạt động để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.1.6. Đặc điểm tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý sản xuất tại Công ty

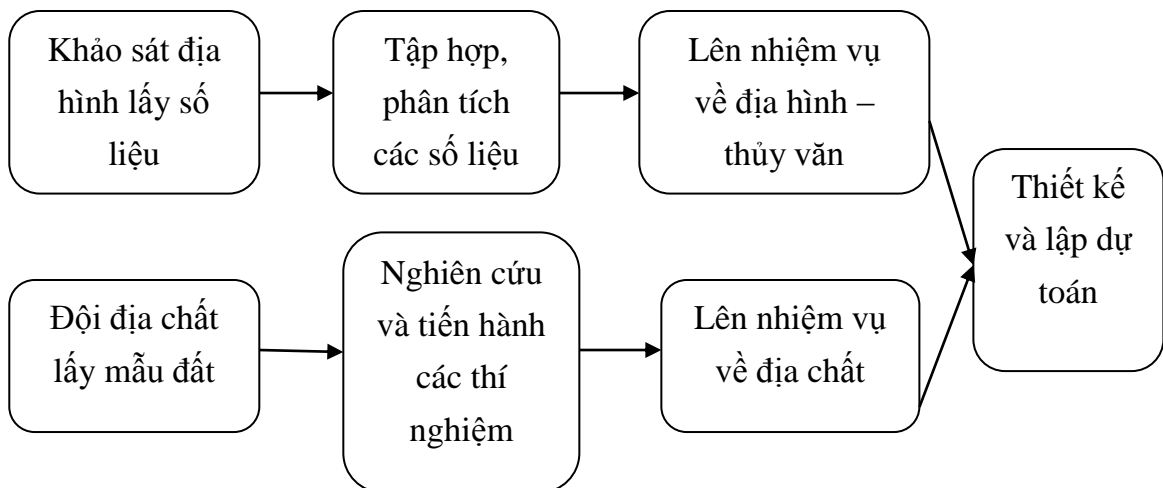
2.1.6.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

Cơ cấu tổ chức sản xuất và quy trình làm việc của Công ty là một hệ thống thống nhất, liên tục và có quan hệ chặt chẽ với nhau.



Sơ đồ 2.1 – Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty

(Nguồn: Phòng tổng hợp)



Sơ đồ 2.2 – Quy trình làm việc của Công ty

(Nguồn: Phòng tổng hợp)

Quy trình làm việc ở Công ty là một quy trình liên tục từ khâu khảo sát địa hình, địa chất đến việc thiết kế và lập dự toán, đảm bảo không có tình trạng các khâu ngược chiều nhau hoặc chông chéo lên nhau.

- Khảo sát địa hình lấy số liệu đội địa hình đến địa hình tiến hành xem xét, đo

đạt, khảo sát và lấy số liệu cần thiết.

- Đội địa chất lấy mẫu đất, đội địa chất đến địa hình tiến hành khoan địa chất, lấy mẫu đất về thí nghiệm và nghiên cứu.

- Nghiên cứu và tiến hành các thí nghiệm cần thiết: sau khi nhận các mẫu đất, đá từ đội khoan địa chất, phòng kỹ thuật thí nghiệm – địa chất tiến hành xem xét, nghiên cứu, làm thí nghiệm cần thiết để lấy số liệu.

- Lên nhiệm vụ về địa hình, thủy văn: sau khi tập hợp, phân tích các số liệu từ việc khảo sát địa hình, phòng kỹ thuật địa hình – thủy văn lên dự toán về địa hình, thủy văn và chuyển số liệu về phòng thiết kế.

- Lên nhiệm vụ về địa chất: từ những số liệu của việc nghiên cứu, thí nghiệm các mẫu đất, đá phòng kỹ thuật địa chất – thí nghiệm lên dự toán về địa chất và chuyển số liệu về cho phòng thiết kế.

- Thiết kế và lập dự toán, từ những số liệu được cung cấp, phòng thiết kế thực hiện công tác thiết kế công trình, chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật và lập dự toán khi có yêu cầu.

2.1.6.2. Đặc điểm tổ chức quản lý

Để hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, ngoài sự năng động, sáng tạo của ban giám đốc, đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn kỹ thuật thì việc tổ chức phân bố lao động sao cho hợp lý, phù hợp với hoạt động là yêu cầu không thể thiếu được của Công ty.

Mỗi bộ phận trong Công ty có chức năng và nhiệm vụ khác nhau, cụ thể như sau:

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền bầu ra hội đồng quản trị để quản trị Công ty, và bầu ra ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, quản trị điều hành Công ty.

- Hội đồng quản trị: Là đại diện có chức vụ cao nhất, có quyền quyết định mọi vấn đề của Công ty liên quan đến mục đích, sách lược, chiến lược cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát: Là đại diện thành viên đề cử, kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.

- Ban giám đốc điều hành gồm: Giám đốc và phó giám đốc.

Giám đốc: Là người do chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm và ủy quyền để lãnh đạo, tổ chức điều hành mọi hoạt động của Công ty, tạo điều kiện cho các phòng ban các đội hoạt động hiệu quả. Giám đốc chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty.

Kịp thời giải quyết các khó khăn phát sinh trong quá trình làm việc, đồng thời chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý cấp trên cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

Phó giám đốc: Là người có quyền thay mặt Giám đốc ủy quyền giải quyết công việc của Công ty, có trách nhiệm theo dõi những bộ phận được phân công phụ trách hoàn thành nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, còn có quyền giải quyết và quyết định các vấn đề về kỹ thuật mà mình được giao và chịu trách nhiệm về những quyết định đó.

– Phòng tổng hợp (kế toán): Có trách nhiệm giúp đỡ cho Giám đốc thực hiện chức năng tham mưu, quản lý doanh nghiệp. Kiểm tra, theo dõi và thực hiện các công tác tài chính như tổ chức hệ thống kế toán, báo cáo với giám đốc về tình hình kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty. Kịp thời đề ra các giải pháp để giải quyết các bất hợp lý trong hoạt động tài chính, cân đối việc thu, chi cho hợp lý. Tổ chức ghi chép thống nhất các số liệu ban đầu đảm bảo ghi chép đầy đủ, đúng, kịp thời, tổ chức kiểm tra hệ thống sổ sách, chứng từ định kỳ, có kế hoạch luân chuyển vốn nhanh để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

– Phòng kỹ thuật thí nghiệm – địa chất: Nhận các mẫu đất đá từ đội khoan địa chất về nghiên cứu, xem xét và tiến hành làm thí nghiệm cần thiết để lấy số liệu cung cấp cho phòng kỹ thuật. Từ những số liệu đó, phòng kỹ thuật lên dự toán và chuyển cho phòng thiết kế.

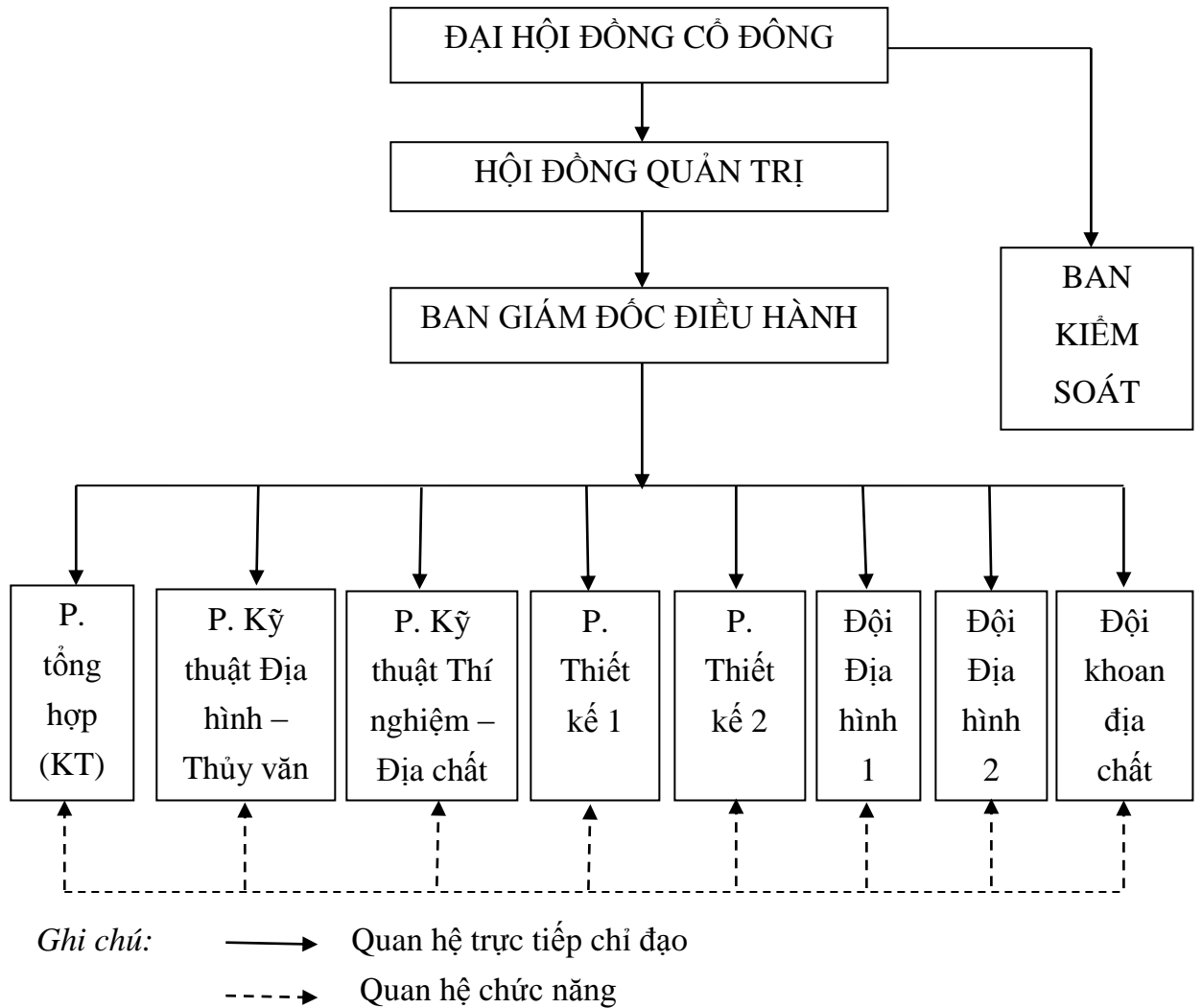
– Đội khoan địa chất: là tổ khoan địa chất để lấy các mẫu đất cho phòng thí nghiệm nghiên cứu và thu thập số liệu.

– Phòng kỹ thuật địa hình – thủy văn: Tập hợp, phân tích các số liệu từ đội địa hình – thủy văn cung cấp, lên dự toán về địa hình thủy văn, sau đó chuyển số liệu cho phòng thiết kế.

– Phòng thiết kế 1 và 2: Chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật và thực hiện công tác thiết kế công trình xây dựng, công trình thủy lợi và lập dự toán các công trình thủy lợi, giao thông, kỹ thuật hạ tầng đô thị, dân dụng và các công trình thủy điện công nghiệp khi có yêu cầu.

– Đội địa hình: Là đội chuyên đi khảo sát địa hình, đo đạc để lấy số liệu cung cấp cho phòng kỹ thuật địa hình.

➤ Công ty đã sắp xếp thiết lập bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng thích ứng với tình hình kinh doanh và quản lý như sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3 – Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

(Nguồn: Phòng tổng hợp)

2.1.7. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty

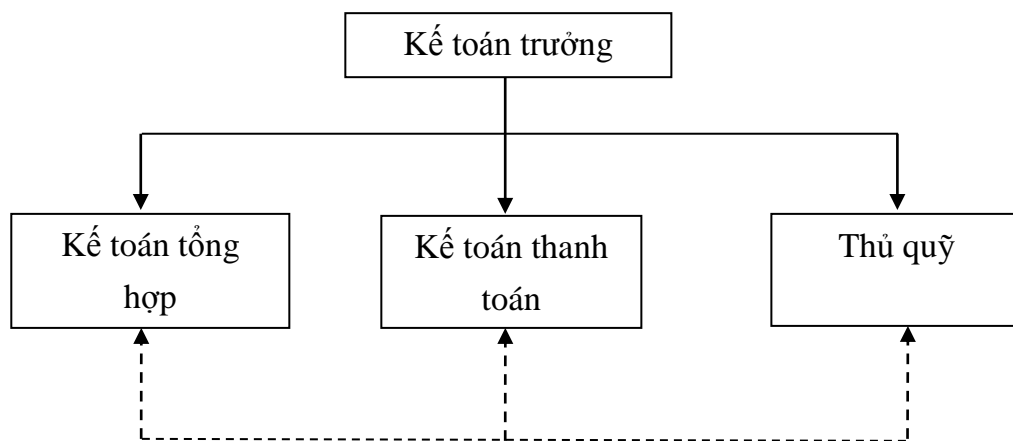
2.1.7.1. Mô hình tổ chức kế toán của Công ty

Để toàn bộ hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao, Công ty đã xây dựng và hình thành bộ máy kế toán tổ chức theo kiểu trực tuyến. Việc sử dụng mô hình này của Công ty đã phát huy những ưu điểm của nó là việc truyền đạt các chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên đến cấp dưới nhanh chóng và đầy đủ, các phòng ban đều có nhiệm vụ hoàn thành công việc và hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc. Các thông tin phản hồi từ cấp dưới như: Tình hình thực hiện kế hoạch, những phát sinh và khó khăn trong quá trình làm việc được phản hồi đến các cấp quản lý. Từ đó, Công ty có biện pháp điều chỉnh thích hợp giúp cho công việc được hoàn thành đúng với mục tiêu đề ra và dễ quy trách nhiệm khi có sai sót xảy ra.

Tuy nhiên, do tính chất công việc và quy mô của doanh nghiệp còn nhỏ nên các phòng ban thông thường phải làm nhiều việc một lúc không chỉ riêng một nghiệp vụ nào. Chính vì vậy mà việc phát huy khả năng chuyên môn sẽ gặp hạn chế, sự phân quyền và nghĩa vụ chưa được rõ ràng. Đây là vấn đề mà Công ty cần quan tâm. Bên cạnh đó do có nhiều bộ phận nên đôi khi xảy ra xung đột trong công việc và các phòng có thể lạm dụng chức quyền.

2.1.7.2. Bộ máy kế toán của Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được xây dựng theo mô hình tập trung được thể hiện thông qua sơ đồ sau:



Ghi chú: \longrightarrow Quan hệ trực tiếp chỉ đạo
 \dashrightarrow Quan hệ chức năng

Sơ đồ 2.4 – Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

(Nguồn: Phòng tổng hợp)

Bộ phận kế toán của công ty gồm 4 người có chức năng và nhiệm vụ của từng người như sau:

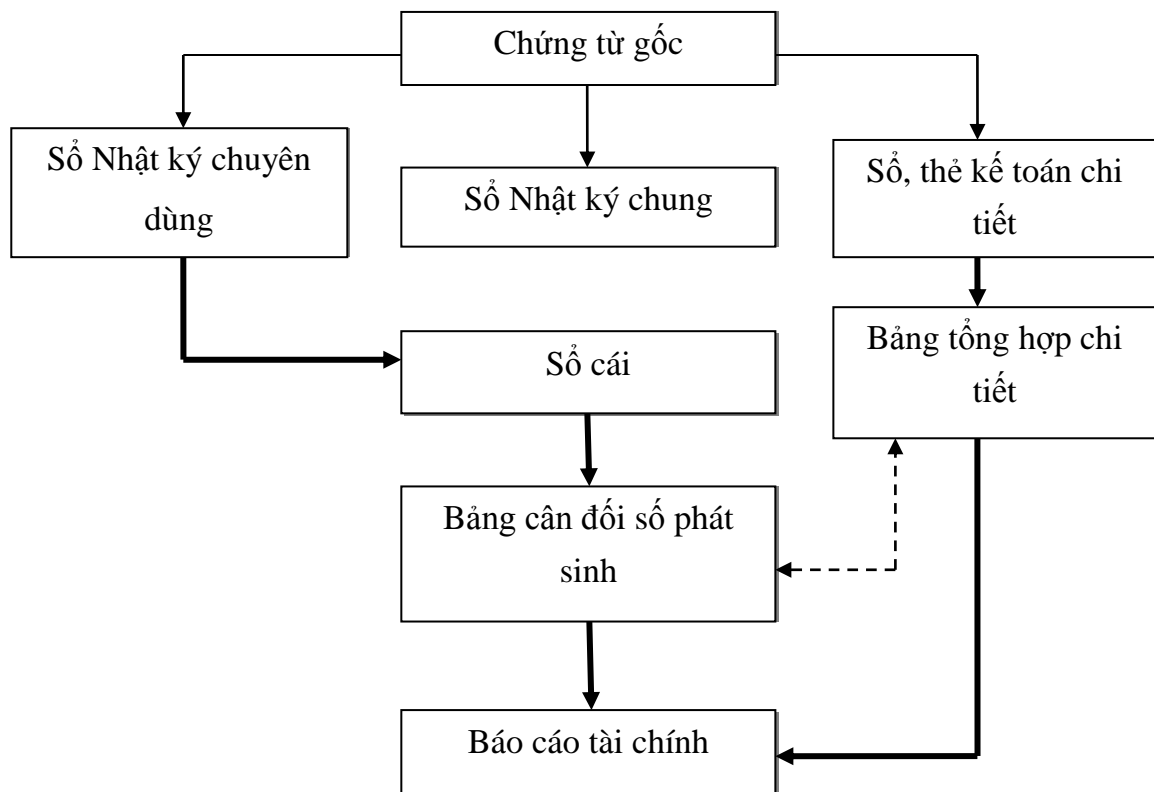
- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán trên cơ sở xác định khối lượng công tác kế toán nhằm thực hiện hai chức năng cơ bản sau: thông tin và kiểm tra hoạt động kinh doanh, điều hành và tổ chức hoạt động của bộ máy kế toán, tài chính của đơn vị, kiểm tra thực hiện chế độ, thể lệ quy định của nhà nước về lĩnh vực kế toán cũng như lĩnh vực tài chính. Thường xuyên kiểm tra xem xét việc chấp hành các chế độ thu - chi tài chính, chế độ sử dụng tài sản của Công ty, làm tham mưu cho Giám đốc về tài chính kế toán và hạch toán kế toán.

- Kế toán tổng hợp: Có nhiệm vụ thực hiện công tác kế toán cuối kỳ, ghi sổ cái tổng hợp, lập báo cáo tài chính gửi cho các đơn vị liên quan. Theo dõi việc tăng, giảm tài sản cố định, lập bảng tính khấu hao, kiểm kê tài sản cố định trong kỳ.

- Kế toán thanh toán: Giúp kế toán trưởng thanh toán tài chính, các chế độ thanh toán.
- + Theo dõi phần sổ sách kế toán giải quyết công nợ.
- + Theo dõi thuế đầu vào, đầu ra của các công trình xây dựng Công ty.
- + Lập bảng phân bổ tiền lương và BHXH, BHYT.
- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ quản lý về tiền mặt của Công ty, nhận tiền, chi tiền các phiếu chi đã được kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt.

2.1.7.3. Hình thức kế toán Công ty áp dụng

Căn cứ vào đặc điểm loại hình, quy mô sản xuất tại Công ty và điều kiện kế toán, Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định đã lựa chọn cho mình một hình thức kế toán riêng là *Nhật ký chung* áp dụng máy vi tính.



- Ghi chú:*
- Ghi hằng ngày
 - Ghi định kỳ hoặc cuối tháng
 - ← - - → Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.5 – Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

(Nguồn: Phòng tổng hợp)

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ. Đầu tiên, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi vào sổ

Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản phù hợp.

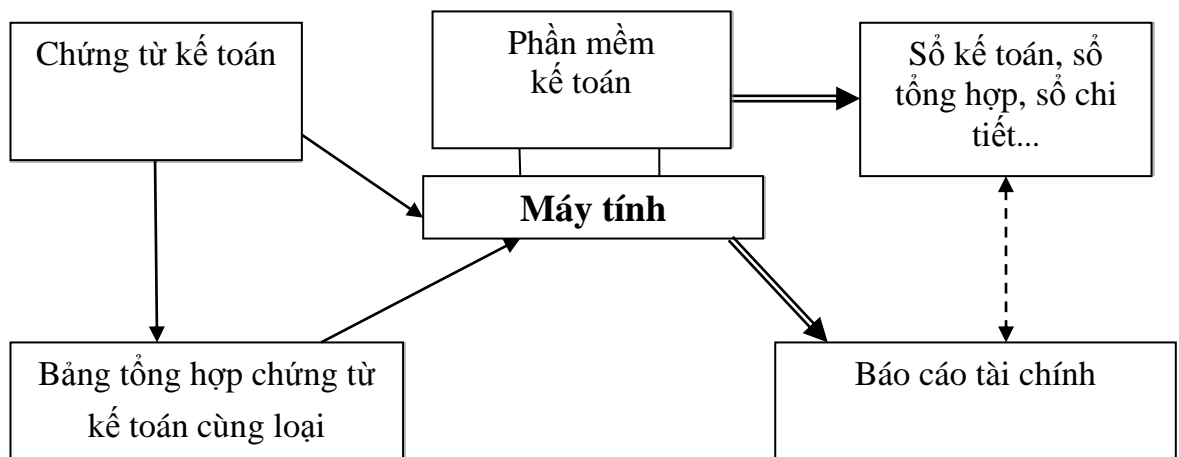
Đồng thời, hàng ngày cũng ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ chi tiết và sổ Nhật ký chuyên dùng liên quan. Cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh tổng hợp từng sổ Nhật ký chuyên dùng, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ Cái và Bảng Tổng Hợp, Chi Tiết (được lập từ sổ chi tiết) được dùng để lập Báo Cáo Tài Chính.

➤ Ngoài ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính bằng phần mềm kế toán VCSOFT ACcounting 2002 do Công ty phần mềm tin học HVC thiết kế.

Quy trình kế toán trên máy vi tính như sau:



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ← - - - → Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.6 – Trình tự ghi sổ trên máy vi tính

(Nguồn: Phòng tổng hợp)

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Với hình thức này mọi công việc từ ghi sổ kế toán chi tiết đến tổng hợp toàn bộ số liệu, phân tích báo cáo tài chính đều tập trung ở phòng tổng hợp.

Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho mà Công ty áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền, cụ thể là bình quân thời kỳ.

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo danh mục hệ thống tài khoản thống nhất cho các doanh nghiệp, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính có sửa đổi bổ sung.

➤ Trên đây là một vài khái quát chung về Công ty cũng như hình thức kế toán mà Công ty đang áp dụng, ta sẽ đi vào thực tế kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty qua các chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan với số liệu hoạt động kinh doanh ở năm 2015.

2.2. THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH

2.2.1. Hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định

2.2.1.1. Hệ thống chứng từ sử dụng tại Công ty

Áp dụng thống nhất Thông tư 200/2014/TT-BTC ra ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính có sửa đổi bổ sung, Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định sử dụng các loại chứng từ sau:

- Chứng từ về tiền tệ gồm: Phiếu thu, Phiếu chi, Phiếu thanh toán trợ cấp bảo hiểm xã hội, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng, Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VNĐ).
- Chứng từ về hàng tồn kho gồm: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Bảng phân bổ vật liệu, Công cụ dụng cụ, Biên bản kiểm kê vật tư cuối kỳ.
- Chứng từ về lao động tiền lương gồm: Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương, Bảng thanh toán tiền thưởng, Hợp đồng lao động...
- Chứng từ về mua bán hàng hoá gồm: Hợp đồng mua bán hàng, Hoá đơn giá trị gia tăng.
- Chứng từ về tài sản cố định gồm: Biên bản giao nhận tài sản cố định, Biên bản thanh lý tài sản cố định, Biên bản kiểm kê tài sản cố định, Biên bản đánh giá lại tài sản cố định.
- Bên cạnh những chứng từ theo mẫu của Bộ Tài Chính quy định, để phục vụ công tác quản trị nội bộ Công ty còn sử dụng một số chứng từ khác phù hợp với đặc

điểm hoạt động sản xuất như: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

2.2.1.2. Hệ thống sổ sách sử dụng tại Công ty

Công ty hạch toán và ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung. Tại Công ty do áp dụng kế toán máy nên công việc trở nên đơn giản hơn rất nhiều, kế toán chỉ nhập chứng từ theo đúng các nghiệp vụ phát sinh. Các loại sổ sau đó sẽ được in ra từ máy tính.

Các loại sổ sách tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định:

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ Nhật ký chung và Sổ cái các tài khoản, BCTC.
- Sổ kế toán chi tiết:
 - + Sổ chi tiết nguyên vật liệu. Sổ này được chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu.
 - + Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán: được mở chi tiết theo từng đối tượng khách hàng, nhà cung cấp.
 - + Sổ chi tiết các loại chi phí sản xuất như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung...

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng một số loại sổ chi tiết khác như: Sổ chi tiết tiền mặt, Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng...

Các loại bảng biểu: Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định, bảng phân bổ công cụ dụng cụ, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội...

2.2.2. Phương thức bán hàng và thanh toán tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định

2.2.2.1. Phương thức bán hàng tại Công ty

Do đặc thù kinh doanh nên tại Công ty chỉ áp dụng phương thức bán hàng trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho của Công ty. Số hàng sau khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.

2.2.2.2. Phương thức thanh toán tại Công ty

Với đặc thù kinh doanh như vậy thì tại Công ty áp dụng các hình thức thanh toán như sau:

❖ Phương thức bán hàng thu tiền ngay

Phương thức này được áp dụng với những khách hàng nhỏ lẻ, mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng ít, không thường xuyên tại Công ty.

❖ **Phương thức thu tiền sau**

Theo phương thức này, để khuyến khích tiêu thụ, Công ty cho khách hàng chậm tiền hàng trong một khoảng thời gian nhất định theo khả năng tiêu thụ và khả năng thanh toán của khách hàng. Khi nghiệp vụ bán hàng được khách hàng chấp nhận thanh toán thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ và được ghi nhận doanh thu bán hàng. Sau đó kế toán mở sổ chi tiết theo dõi quá trình thanh toán của khách hàng. Phương thức này được Công ty áp dụng với những khách hàng lớn có uy tín, mua hàng với số lượng nhiều, thường xuyên và có khả năng thanh toán.

2.2.3. Một số nghiệp vụ về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định

Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định dưới sự chỉ dẫn của các anh chị trong phòng kế toán và giáo viên hướng dẫn em quyết định chọn đề tài “Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định” là đề tài nghiên cứu, việc tìm hiểu xử lý được lấy từ số liệu kinh doanh năm 2015 của Công ty.

Dưới đây là một số hóa đơn, chứng từ và sổ sách sử dụng tại Công ty có liên quan đến phần hành kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

2.2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

a) Tài khoản sử dụng

Để phù hợp với công tác kế toán tiêu thụ thành phẩm, dịch vụ tại Công ty, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

+ Tài khoản 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”: dùng phản ánh giá trị của tất cả các dịch vụ mà Công ty cung cấp đã tiêu thụ được trong tháng, năm kể cả đã được thanh toán hay chưa thanh toán.

+ Tài khoản 131 “Phải thu khách hàng”: dùng phản ánh các khoản mà khách hàng chưa thanh toán tiền hàng.

+ Tài khoản 33311 “Thuế Giá trị gia tăng phải nộp”: dùng phản ánh số thuế GTGT đối với hàng tiêu thụ trong tháng mà Công ty đã bán được.

Ngoài ra còn một số tài khoản khác như: TK 111, TK 112...

b) Chứng từ sử dụng

Các chứng từ bao gồm:

- + Phiếu xuất kho
- + Hóa đơn giá trị gia tăng

- + Giấy báo Nợ, báo Có của ngân hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi tiền mặt
- + Sổ nhật ký bán hàng
- + Bảng kê tổng hợp hàng bán ra

Căn cứ vào các phương thức tiêu thụ của Công ty mà ta có trình tự luân chuyển, hạch toán chứng từ khác nhau. Và sự khác nhau này chủ yếu nằm ở phương thức thu tiền ngay và phương thức thu tiền sau của phương thức tiêu thụ trực tiếp.

❖ Trường hợp bán hàng thu tiền ngay

Sau khi chuyển giao hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng kế toán tiến hành lập hoá đơn GTGT theo quy định giao cho người mua. Hoá đơn GTGT được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Lưu lại quyền hoá đơn gốc
- Liên 2: giao cho khách hàng

Sau khi khách hàng trả tiền, kế toán tiến hành lập phiếu thu tiền mặt để ghi nhận số tiền thu được.

Ta thấy phiếu thu tiền mặt được lập sau khi hoá đơn GTGT đã được lập và hoá đơn GTGT chính là cơ sở để lập phiếu thu tiền mặt.

Đây là trường hợp bán hàng thu tiền ngay, nên có cả hoá đơn GTGT và phiếu thu tiền mặt.

❖ Trường hợp bán hàng thu tiền sau

Trường hợp này kế toán viên cũng lập hoá đơn GTGT ghi nhận doanh thu và nợ phải thu khách hàng nhưng không lập phiếu thu.

Sau khi giao hàng hóa, dịch vụ xong đại diện bên mua ký nhận vào chứng từ thì hàng hoá, dịch vụ được xác nhận là đã được tiêu thụ.

Đây là trường hợp khách hàng mua chịu nên căn cứ vào hoá đơn GTGT kế toán phản ánh vào sổ chi tiết thanh toán với người mua.

c) Tổ chức ghi sổ kế toán tiêu thụ thành phẩm tại Công ty

Căn cứ vào các chứng từ gốc có liên quan, kế toán mở sổ chi tiết doanh thu.

Từ sổ chi tiết doanh thu, kế toán lên sổ Nhật ký bán hàng

Cuối tháng, cuối năm căn cứ vào sổ nhật ký bán hàng, kế toán lên sổ Cái cho tài khoản 511.

Dưới đây là những chứng từ, sổ sách có liên quan đến nghiệp vụ bán hàng thu tiền tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**Mẫu số 01GTKT3/001**

Ký hiệu: TL/15P

Số hóa đơn: 0001594

Liên 1: Lưu

Ngày 12 tháng 01 năm 2015

Đơn vị bán hàng: Cty Cp Tư vấn Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện Bình Định

Mã số thuế: 4100259324

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai - TP Quy Nhơn

Điện thoại:

Họ tên người mua hàng: Trần Văn Minh

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thuận Đức

Mã số thuế: 4100425035

Địa chỉ: An Lão – Bình Định

Hình thức thanh toán: Trả tiền sau

STT	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	ĐG	Thành tiền
1	Dự án thí nghiệm cấp phối Bê tông xi măng cơ lý thép		1	6.900.000	6.900.000
Cộng tiền hàng					6.900.000
Thuế suất GTGT 10%; Tiền thuế GTGT					690.000
Tổng cộng số tiền thanh toán					7.590.000

Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu)

Sau khi lập hóa đơn GTGT như trên, đây là đối với trường hợp bán hàng thu tiền sau, nên ta chưa lập phiếu thu tiền mặt.

Sau khi đã lập các chứng từ ghi nhận số sản phẩm đã tiêu thụ, kế toán nhập các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm kế toán tại Công ty, khi người mua trả tiền kế toán sẽ tiến hành lập phiếu thu, một liên lưu lại và một liên đưa cho người nộp tiền.

Đơn vị: CTY CP TV XD THỦY LỢI – TĐ BÌNH ĐỊNH		Mẫu số: 01-TT
Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai		(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)
PHIẾU THU		Số CT: PT. 0056
Ngày: 25/01/2015		Nợ TK : 1111
		Có TK: 131
Người nộp tiền:	Công ty TNHH Thuận Đức	
Địa chỉ:	An Lão – Bình Định	
Lý do:	Thu tiền dự án thí nghiệm cấp phối Bê tông xi măng cơ lý thép	
Số tiền:	7.590.000	
Bằng chữ:	Bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn	
Kèm theo:	01 chứng từ gốc	
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn		
Ngày 25 tháng 01 năm 2015		
Người nộp tiền		Thủ quỹ
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)

Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ kế toán lên sổ chi tiết , sổ Nhật ký chung :

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số: S38-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai

*(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tên khách hàng: Công ty TNHH Thuận Đức

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số tồn
				Nợ	Có	
12/01	HĐ 1594	Thu tiền thí nghiệm cấp phối Bê tông xi măng cơ lý thép- Công TNHH Thuận Đức	131		6.900.000	
...	
02/06	HĐ 1631	Thu tiền lập quy trình vận hành HCN sông Vồ	131		90.000.000	
...	
31/12	PKT 154	K/c doanh thu thuần sang 911	911	96.900.000		
		Cộng số phát sinh		96.900.000	96.900.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số: S38-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tên khách hàng: Ban quản lý dự án Văn Phong

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số tồn
				Nợ	Có	
17/02	HD 1612	Thu tiền lập hệ thống Kênh trới Văn Phong – BQLDAVP	131		131.845.455	
...	
08/11	HD 1682	Thu tiền chi phí GSTC XD: Kè Phú Đa thuộc dự án nạo vét cải tạo nước lũ sông Bánh Lái	131		165.309.091	
31/12	PKT 154	K/c doanh thu thuần sang 911	911	297.154.546		
		Cộng số phát sinh		297.154.546	297.154.546	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD **Mẫu số: S03a-DN**
 Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015
 (Trích TK 511)

Trang số
 (Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT Dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang					
12/01	HĐ 1594	12/01	Thu tiền thí nghiệm cấp phối Bê tông xi măng cơ lý thép-Công TNHH Thuận Đức		4	131	7.590.000	
				X	5	511		6.900.000
					6	3331		690.000
17/02	HĐ 1612	17/02	Thu tiền lập hệ thống Kênh tưới Văn Phong – BQLDAVP		3	131	145.030.000	
				X	4	511		131.845.455
					5	3331		13.184.545
...
02/06	HĐ 1631	02/06	Thu tiền lập quy trình vận hành HCN sông Vồ		16	131	99.000.000	
				X	17	511		90.000.000
					18	3331		9.000.000
08/11	HĐ 1682	08/11	Thu tiền chi phí GSTC XD: Kè Phứ Đa thuộc dự án nạo vét cải tạo nước lũ sông Bánh Lái-BQLDAVP		12	131	181.840.000	
				X	13	511		165.309.091
					14	3331		16.530.909
...
			Cộng số phát sinh				22.467.574.453	22.467.574.453

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Sổ này có 522 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 522

Ngày mở sổ 01/01/2015

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Sau khi ghi các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung thì kế toán lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ Cái theo mẫu dưới đây.

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BĐ

Mẫu số: S03b-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

SH: 511

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
12/01	HĐ 1594	12/01	Thu tiền thí nghiệm cấp phối Bê tông xi măng cơ lý thép- Công TNHH Thuận Đức	14	4	131		6.900.000
17/02	HĐ 1612	17/02	Thu tiền lập hệ thống Kênh tưới Văn Phong – BQLDAVP	214	3	131		131.845.455
...
02/06	HĐ 1631	02/06	Thu tiền lập quy trình vận hành HCN sông Vồ	218	16	131		90.000.000
08/11	HĐ 1682	08/11	Thu tiền chi phí GSTC XD: Kè Phú Đa thuộc dự án nạo vét cải tạo nước lũ sông Bánh Lái- BQLDAVP	457	12	131		165.309.091
...
31/12	PKT 154	31/12	K/c doanh thu thuần sang 911	520	16	911	4.581.552.731	
			Số phát sinh trong kỳ				4.581.552.731	4.581.552.731

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

d) Hạch toán thuế GTGT đầu ra tại Công ty

Đồng thời với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, hàng tháng dựa vào cơ sở bảng kê hóa đơn, chứng từ, hàng hoá, dịch vụ bán ra được lập vào cuối tháng và căn cứ vào số thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá mua trong tháng, kế toán Công ty cũng tính ra số thuế GTGT phải nộp. Phương pháp tính thuế GTGT của Công ty là phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10% và được tính trên cơ sở doanh thu hàng bán ra. Như vậy, vào cuối tháng sau khi tính ra số thuế GTGT phải nộp dựa trên bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào và bán ra, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 33311. Từ sổ cái tài khoản 33311 kế toán lập Tờ khai thuế GTGT tháng đó.

➤ **Trích bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra**

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ DỊCH VỤ BÁN RA

Mẫu số: 04- 1/GTGT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày
25/08/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

(Đơn vị tính: đồng)

Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế		Tên khách hàng	Doanh số bán (chưa có thuế)	Thuế GTGT
Số HĐ	Ngày			
0001594	12/01	Công ty TNHH Thuận Đức	6.900.000	690.000
0001626	10/05	Ban QLDA ĐT và XD Phù Cát	14.256.364	1.425.636
0001631	02/06	Công ty TNHH Tổng hợp An Lão	90.000.000	9.000.000
0001654	15/09	Công ty CP bê tông Nhơn Hội	4.090.000	409.000
0001684	18/11	Công ty TNHH XD và TM Trung Nam	17.640.909	1.764.091
...
Tổng			4.581.552.731	458.155.273

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

(Ký, họ tên)

Người nộp thuế

(Ký, họ tên)

2.2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty

a) Tài khoản sử dụng

Để hạch toán giá vốn hàng bán, Công ty sử dụng TK 632 “Giá vốn hàng bán”. Tài khoản này không được chi tiết theo từng loại sản phẩm mà được mở chung cho tất cả các sản phẩm. Điều này là hoàn toàn hợp lý vì phương pháp tính giá vốn hàng bán của Công ty là phương pháp bình quân cả kỳ, cuối tháng kế toán mới tính được giá vốn hàng xuất bán. Cũng bởi vậy mà khi xuất bán thành phẩm, kế toán chỉ phản ánh được doanh thu mà không phản ánh được giá vốn.

b) Chứng từ sử dụng và trình tự luân chuyển chứng từ

Để phản ánh giá vốn hàng bán, tại Công ty có các chứng từ sau: Phiếu nhập kho, xuất kho thành phẩm; Thẻ kho; Báo cáo Nhập - xuất - tồn thành phẩm; Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.

Cuối tháng, kế toán tập hợp các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và lên báo cáo Nhập - xuất - tồn thành phẩm để xác định giá vốn hàng bán trong tháng.

c) Tổ chức ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy Lợi-Thủy Điện BĐ		Mẫu số 02-VT				
307-Nguyễn Thị Minh Khai-TP Quy Nhơn-BĐ		<i>(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)</i>				
PHIẾU XUẤT KHO						
Ngày 12 tháng 01 năm 2015				Nợ TK 632		
Số: PX01				Có TK 155		
Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH Thuận Đức						
Địa chỉ:						
Diễn giải:		Xuất kho giá vốn theo hóa đơn số 0001594				
Xuất tại kho:		Thành phẩm				
Loại xuất:		Bản vẽ thiết kế thí nghiệm				
STT	Tên vật tư, hàng hóa	Mã số	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Dự án thí nghiệm cấp phối Bê tông xi măng cơ lý thép	BV005	Bản	1	4.242.000	4.242.000

TỔNG TIỀN						4.242.000
Tổng tiền (bằng chữ): Bốn triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng chẵn						
Người lập phiếu		Người nhận hàng		Thủ kho		Kế toán
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)
						Giám Đốc
						(Ký, họ tên)

Sau khi xuất kho giao cho người mua, kế toán ghi nhận GVHB, tiến hành nhập liệu vào máy tính để kết xuất ra các sổ chi tiết GVHB, sổ Nhật ký chung, sổ Cái...

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số: S36-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số tồn
				Nợ	Có	
12/01	PX01	Thí nghiệm cấp phối Bê tông xi măng cơ lý thép - Công TNHH Thuận Đức	155	4.242.000		
17/02	PX17	Bản vẽ lập hệ thống Kênh tưới Văn Phong – BQLDAVP	155	112.357.068		
...	
02/06	PX54	Bản vẽ quy trình vận hành HCN sông Vố	155	64.500.000		
08/11	PX76	Giám sát xây dựng Kè Phú Đa thuộc dự án nạo vét cải tạo nước lũ sông Bánh Lái- BQLDAVP	155	122.458.000		
...	
31/12	PKT 157	K/c giá vốn hàng bán sang 911	911		2.862.145.131	
		Cộng số phát sinh		2.862.145.131	2.862.145.131	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số: S03a-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Trang số

(Trích TK 632)

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT Đòn g	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang					
12/ 01	PX01	12/ 01	Thí nghiệm cấp phối Bê tông xi măng cơ lý thép- Công TNHH Thuận Đức	X	7	632	4.242.000	
					8	155		4.242.000
17/ 02	PX17	17/ 02	Bản vẽ lập hệ thống Kênh tưới Văn Phong – BQLDAVP	X	19	632	112.357.068	
					20	155		112.357.000
02/ 06	PX54	02/ 06	Bản vẽ quy trình vận hành HCN sông Vồ	X	5	632	64.500.000	
					6	155		64.500.000
08/ 11	PX76	08/ 11	Giám sát xây dựng Kè Phú Đa thuộc dự án nạo vét cải tạo nước lũ sông Bánh Lái- BQLDAVP	X	8	632	122.458.000	
					9	155		122.458.000
...
Cộng số phát sinh							22.467.574.453	22.467.574.453

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Sổ này có 522 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 522

Ngày mở sổ 01/01/2015

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Sau khi các nghiệp vụ phát sinh, kế toán nhập vào phần mềm để kết xuất ra các sổ sách kế toán, từ những nghiệp vụ phát sinh trên sổ Nhật ký chung, ta tiến hành ghi vào sổ Cái cho TK 632.

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số: S03b-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên TK: Giá vốn hàng bán

SH: 632

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
12/01	PX 01	12/01	Thí nghiệm cấp phối Bê tông xi măng cơ lý thép-Công TNHH Thuận Đức	05	8	155	4.242.000	
17/02	PX 17	17/02	Bản vẽ lập hệ thống Kênh tưới Văn Phong – BQLDAVP	69	20		112.357.068	
02/06	PX 54	02/06	Bản vẽ quy trình vận hành HCN sông Vồ	245	6	155	64.500.000	
...
08/11	PX 76	08/11	Giám sát xây dựng Kè Phú Đa thuộc dự án nạo vét cải tạo nước lũ sông Bánh Lái-BQLDAVP	453	9	155	122.458.000	
...
31/12	PKT 157	31/12	K/c giá vốn hàng bán sang 911	520	6	911		2.862.145.131
			Số phát sinh trong kỳ				2.862.145.131	2.862.145.131

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty

Vi đặc thù kinh doanh của Công ty, các sản phẩm chủ yếu là cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát xây dựng, và các bản vẽ thiết kế ... nên Công ty không có bộ phận bán hàng, mà những chi phí liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ Công ty đều hạch toán vào chi phí QLDN nhằm rút gọn hệ thống sổ sách tài khoản tại Công ty, cũng như giảm bớt khối lượng công việc không cần thiết.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty chủ yếu là các khoản chi về nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng, văn phòng phẩm, chi phí tiền điện, tiền nước, chi phí tiếp khách, chi phí KHTSCĐ và các chi phí bằng tiền khác. Đó là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà không thể tách riêng ra được cho bất kỳ hoạt động nào.

a) Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty sử dụng TK 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp ” theo đúng quy định của Bộ Tài Chính.

Tài khoản này có 8 tài khoản cấp 2

- + 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + 6426: Chi phí dự phòng
- + 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + 6428: Chi phí bằng tiền khác

b) Chứng từ sử dụng và trình tự luân chuyển chứng từ

- Bảng phân bổ tiền lương, bảng tạm trích BHXH
- Phiếu xuất kho
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn GTGT của nhà cung cấp, phiếu chi, các chứng từ liên quan khác.

Khi phát sinh các khoản chi phí này, căn cứ vào các chứng từ gốc có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành lên sổ Cái TK 642.

c) Tổ chức ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty

Dưới đây là một vài mẫu chứng từ sổ sách có liên quan:

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số 01GTKT3/001

Ký hiệu: PN/15P

Số hóa đơn: 0001522

Liên 2 giao cho khách hàng
Ngày 27 tháng 12 năm 2015

Đơn vị bán hàng: **DNTN Phố Núi**
Mã số thuế: 4100414918
Địa chỉ: Phường Nguyễn Văn Cừ - TP Quy Nhơn – Bình Định
Điện thoại:

Họ tên người mua hàng: Trần Thị Sương
Tên đơn vị: Cty cp tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện Bình Định
Mã số thuế: 4100259324
Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai – TP Quy Nhơn
Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	ĐG	Thành tiền
1	Lẩu	Cái	2	160.000	320.000
2	Gà luộc	Con	2	230.000	460.000
3	Bánh trắng	Cái	10	3.000	30.000
4	Bia tiger	Lon	39	16.000	624.000
5	Nước lọc life	Chai	4	5.000	20.000
6	Nước ngọt coca	Lon	3	12.000	36.000
7	Khăn ướt	Cái	10	2.500	25.000
Cộng tiền hàng					1.515.000
Thuế suất GTGT 10%; Tiền thuế GTGT					151.500
Tổng cộng số tiền thanh toán					1.666.500

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu)

Đơn vị: CTY CP TƯ VẤN XD THỦY LỢI – TĐ BÌNH ĐỊNH **Mẫu số 02 - TT**
 Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư
 Mã số thuế: 4100259324 200/2014/TT- BTC ngày
 Telefax: 056.647 159 – Fax: 056.647 159 22/12/2014 Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHISố CT: **PC. 0212**

Ngày: 27/12/2015

TK Nợ: 642

TK Nợ: 1331

TK Có: 1111

Người nộp tiền: Phạm Tấn Khoa

Địa chỉ: Phòng Tổng Hợp

Lý do: Chi tiếp khách

Số tiền: **1.666.500 đồng**Bằng chữ: **Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị**Kế toán trưởng****Kế toán thanh toán**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã chi tiền (viết bằng chữ): **Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng**

Ngày 27 tháng 12 năm 2015

Thủ quỹ**Người nhận tiền**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn XD Thủy lợi-Thủy điện BĐ **BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG NHÂN VIÊN QUẢN LÝ**

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai

Tháng 09 năm 2015

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Họ và tên	Ngày công	Mức lương cơ bản	Phụ cấp chức vụ	Hệ số lương	Tiền lương	BHXH,BHYT,BHTN		Khấu trừ khác	Thực nhận
							Người sử dụng LĐ (22%)	Người lao động (10,5%)		
1	Nguyễn văn Lưu	26	1.150.000		5,32	6.118.000	1.345.960	642.390		5.475.000
2	Nguyễn Văn Hoan	26	1.150.000		4,66	5.359.000	1.178.980	562.695		4.796.000
3	Lê Trần Tấn	26	1.150.000		4,66	5.359.000	1.178.980	562.695		4.796.000
4	Võ Hữu Thọ	26	1.150.000	0.30	3,27	4.105.500	903.210	431.078		3.674.000
5	Huỳnh Thị Bích Hạnh	26	1.150.000	0.20	2,34	2.921.000	642.620	306.705		2.614.000
6	Phan Văn Dũng	26	1.150.000		3,58	4.117.000	918.940	438.585		3.678.000
7	Lê Xuân Việt	26	1.150.000		2,65	3.047.500	670.450	319.988		2.728.000
8	Võ Thị Hoàng Lan	26	1.150.000		2,96	3.404.000	748.880	357.420		3.046.600
	Tổng cộng	208		0.50		34.430.000	7.588.020	3.621.556		30.287.000

Ngày 31 tháng 09 năm 2015

Lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Từ những hóa đơn chứng từ, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung như sau:

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BĐ

Mẫu số: S36-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số tồn
				Nợ	Có	
01/01	PKT01	Thuế thuê đất phải nộp kỳ 1/2015	3337	17.914.041		
31/02	BPBKHO2	Trích khấu hao TSCĐ quản lý tháng 02/2015	2141	13.924.362		
...	
04/07	PC0168	Chi phí tiền điện tháng 6/2015	1111	4.444.200		
31/09	BTTTTL09	Tiền lương nhân viên quản lý tháng 09/2015	334	34.430.000		
27/12	PC0212	Chi tiếp khách	1111	1.515.000		
...	
31/12	PKT 158	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp sang 911	911		1.254.798.011	
		Cộng số phát sinh		1.254.798.011	1.254.798.011	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2015**

Trang số

(Trích TK 642)

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT Đồng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang					
01/01	PKT01	01/01	Thuế thuê đất phải nộp kỳ 1/2015	X	3	642	17.914.041	
					4	3337		17.914.041
31/02	BPBKH 02	31/02	Trích khấu hao TSCĐ quản lý tháng 02/2015	X	13	642	13.924.362	
					14	2141		13.924.362
04/07	PC0168	04/07	Chi phí tiền điện tháng 6/2015	X	11	642	4.444.200	
					12	1331	444.420	
					13	1111		4.888.620
...
31/09	BTTTL 09	31/09	Tiền lương nhân viên quản lý tháng 09/2015	X	7	642	34.430.000	
					8	334		34.430.000
27/12	PC0212	27/12	Chi tiếp khách	X	4	642	1.515.000	
					5	1331	151.500	
					6	1111		1.666.500
...
			Cộng số phát sinh				22.467.574.453	22.467.574.453

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Sổ này có 522 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 522

Ngày mở sổ 01/01/2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Sau khi ghi vào sổ Nhật ký chung, kế toán dựa vào các nghiệp vụ trên sổ Nhật ký chung để lên sổ Cái TK 642.

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy Lợi-Thủy Điện BĐ **Mẫu số S03b-DN**
 Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Tra ng	Dòng		Nợ	Có
01/01	PKT01	01/01	Thuê thuê đất phải nộp kỳ 1/2015	01	4	3337	17.914.041	
31/02	BPBKH 02	31/02	Trích khấu hao TSCĐ quản lý tháng 02/2015	87	13	2141	13.924.362	
04/07	PC0168	04/07	Chi phí tiền điện tháng 6/2015	232	7	1111	4.444.200	
...	
31/09	BTTTL 09	31/09	Tiền lương nhân viên quản lý tháng 09/2015	345	8	334	34.430.000	
....	
27/12	PC0212	27/12	Chi tiếp khách	513	6	1111	1.515.000	
31/12	PKT 158	31/12	K/c chi phí QLDN 642 sang 911	521	4	911		1.254.798.011
			Số phát sinh trong kỳ				1.254.798.011	1.254.798.011

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty

Hoạt động tài chính tại Công ty không phải là hoạt động mang tính chất thường xuyên. Một số hoạt động tài chính tại Công ty có thể kể đến như: Lãi tiền gửi ngân hàng, chiết khấu được hưởng khi đi mua hàng...

a) Tài khoản sử dụng

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, Công ty sử dụng tài khoản 515 theo đúng quy định của Bộ Tài Chính.

b) Chứng từ sử dụng và trình tự luân chuyển

- Giấy báo Có của Ngân hàng.
- Các hợp đồng vay vốn.
- Hóa đơn GTGT và các chứng từ khác, ...

Khi phát sinh các nghiệp vụ về doanh thu tài chính, kế toán tập hợp các chứng từ gốc rồi lên sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết sau đó lên Sổ Cái cho tài khoản 515.

c) Tổ chức ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty



NGÂN HÀNG TMCP ĐT & PT VIỆT NAM

Chi nhánh: Bình Định

GIẤY BÁO CÓ

Địa chỉ: 72 Lê Duẩn, TP. Quy Nhơn

MST: 0100150619039

SỐ TÀI KHOẢN: 580-10-00-000041-5

TÊN TÀI KHOẢN: CTY CP TVXD THỦY LỢI THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH

Kính gửi: CTY CP TVXD THUY LOI

THUY DIEN BINH DINH

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách đã được ghi tăng với nội dung:

NGÀY HIỆU LỰC	SỐ TIỀN	LOẠI TIỀN	DIỄN GIẢI
21/01/2015	820.855	VNĐ	Thu lãi tiền gửi

Giao dịch viên

Kiểm soát

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số: S38-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số tồn
				Nợ	Có	
21/01	GBC 001	Thu lãi TGNH – BIDV	11211		820.825	
25/02	GBC 024	Thu lãi TGNH Đông Á	11211		118.568	
...	
25/11	GBC 145	Thu lãi TGNH – BIDV	11211		465.500	
25/12	GBC 168	Thu lãi TGNH – BIDV	11211		438.854	
...	
31/12	PKT 155	K/c doanh thu hoạt động tài chính sang 911	911		2.025.006	
		Cộng số phát sinh		2.025.006	2.025.006	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2015**

Trang số

(Trích TK 515)

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT Dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang					
21/01	GBC 001	21/01	Thu lãi TGNH – BIDV		11	11211	820.855	
				X	12	515		820.855
25/02	GBC 024	25/02	Thu lãi TGNH Đông Á		4	11211	118.568	
				X	5	515		118.568
...
25/11	GBC 145	25/11	Thu lãi TGNH BIDV		6	11211	465.500	
				X	7	515		465.500
25/12	GBC 168	25/12	Thu tiền lãi ngân hàng BIDV		2	11211	438.854	
				X	3	515		438.854
...
			Cộng số phát sinh				22.467.574.453	22.467.574.453

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Sổ này có 522 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 522

Ngày mở sổ 01/01/2015

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Sau khi ghi vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành lên sổ Cái cho tài khoản 515.

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
21/01	GBC 001	21/01	Thu lãi TGNH – BIDV	28	11	11211		820.855
25/02	GBC 024	25/02	Thu lãi TGNH Đông Á	67	4	11211		118.568
.....
25/11	GBC 145	25/11	Thu lãi TGNH BIDV	472	6	11211		465.500
25/12	GBC 168	25/12	Thu tiền lãi ngân hàng BIDV	510	2	11211		438.854
...
31/12	PKT 155	31/12	K/c DT hoạt động TC sang 911	521	10	911	2.025.006	
			Số phát sinh trong kỳ				2.025.006	2.025.006

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.3.5. Kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty

Chi phí hoạt động tài chính tại Công ty ít khi phát sinh và thông thường nội dung chi phí hoạt động tài chính của Công ty là lãi tiền vay phải trả do đi vay.

a) Tài khoản sử dụng


Để hạch toán chi phí hoạt động tài chính, Công ty sử dụng tài khoản 635 theo đúng quy định của Bộ Tài Chính.

b) Chứng từ sử dụng và trình tự luân chuyển

- Giấy báo Nợ lãi vay.
- Giấy nộp tiền.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Khi phát sinh các nghiệp vụ về chi phí tài chính, kế toán tập hợp các chứng từ gốc rồi lên sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết sau đó từ sổ Nhật ký chung lên Sổ Cái cho tài khoản 635.

c) Tổ chức ghi sổ kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty

	<p>NGÂN HÀNG TMCP ĐT & PT VIỆT NAM Chi nhánh: Bình Định GIẤY BÁO NỢ Địa chỉ: 72 Lê Duẩn, TP. Quy Nhơn MST: 0100150619039</p>								
<p>SỐ TÀI KHOẢN: 580-10-00-000041-5 TÊN TÀI KHOẢN: CTY CP TVXD THỦY LỢI THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH</p>									
<p>Kính gửi: CTY CP TVXD THUY LOI THUY DIEN BINH DINH</p>	<p>Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách đã được ghi giảm với nội dung:</p>								
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 25%;">NGÀY HIỆU LỰC</th> <th style="width: 25%;">SỐ TIỀN</th> <th style="width: 25%;">LOẠI TIỀN</th> <th style="width: 25%;">DIỄN GIẢI</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">25/02/2015</td> <td style="text-align: center;">3.750.162</td> <td style="text-align: center;">VNĐ</td> <td style="text-align: center;">Trả lãi tiền vay</td> </tr> </tbody> </table>		NGÀY HIỆU LỰC	SỐ TIỀN	LOẠI TIỀN	DIỄN GIẢI	25/02/2015	3.750.162	VNĐ	Trả lãi tiền vay
NGÀY HIỆU LỰC	SỐ TIỀN	LOẠI TIỀN	DIỄN GIẢI						
25/02/2015	3.750.162	VNĐ	Trả lãi tiền vay						
<p>Giao dịch viên Kiểm soát</p>									

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số: S38-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số tồn
				Nợ	Có	
28/01	GBN 001	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	11213	2.118.333		
25/02	GBN 018	Trả lãi tiền vay NH BIDV	11211	3.750.162		
...	
25/05	GBN 087	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	11213	5.365.000		
27/11	GBN 142	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	11213	2.746.667		
25/12	GBN 156	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	11213	2.489.167		
...	
31/12	PKT 159	K/C chi phí hoạt động tài chính sang 911	911		34.532.753	
		Cộng số phát sinh		34.532.753	34.532.753	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Trang số

(Trích TK 635)

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT Dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang					
28/01	GBN 001	28/01	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	X	12	635	2.118.333	
					13	11213		2.118.333
25/02	GBN 018	25/02	Trả lãi tiền vay NH BIDV	X	4	635	3.750.162	
					5	11211		3.750.162
...
25/05	GBN 087	25/05	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	X	9	635	5.365.000	
					10	11213		5.365.000
27/11	GBN 142	27/11	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	X	1	635	2.746.667	
					2	11213		2.746.667
25/12	GBN 156	25/12	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	X	15	635	2.489.167	
					16	11213		2.489.167
...
			Cộng số phát sinh				22.467.574.453	22.467.574.453

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Sổ này có 522 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 522

Ngày mở sổ 01/01/2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

(Đơn vị tính: đồng)

NT	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Tra ng	Dòng		Nợ	Có
28/01	GBN 001	28/01	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	16	13	11213	2.118.333	
25/02	GBN 018	25/02	Trả lãi tiền vay NH BIDV	21	5	11211	3.750.162	
.....
25/05	GBN 087	25/05	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	285	10	11213	5.365.000	
27/11	GBN 142	27/11	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	426	2	11213	2.746.667	
...
25/12	GBN 156	25/12	Trả lãi tiền vay NH Đông Á	517	16	11213	2.489.167	
31/12	PKT 159	31/12	K/C chi phí hoạt động tài chính sang 911	522	4	911		34.532.753
			Số phát sinh trong kỳ				34.532.753	34.532.753

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3.6. Kế toán thu nhập khác

Tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định trong năm 2015 không phát sinh nhiều các khoản thu nhập khác, để hạch toán các khoản thu nhập khác Công ty vẫn sử dụng TK 711.

– Khi phát sinh các nghiệp vụ về các khoản thu nhập khác, kế toán tập hợp các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu thu, Quyết định của chi cục/ cục thuế, hải quan,... rồi lên sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết sau đó từ sổ Nhật ký chung lên Sổ Cái cho tài khoản 711.

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số: S38-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Số CT	Diễn giải	TKĐU'	Số phát sinh		Số tồn
				Nợ	Có	
21/12	GBC 162	Thu tiền hỗ trợ kinh phí thực hiện HT ISO9001: 2010 – sở khoa học và CN Bình Định	11211		95.609.302	
31/12	PKT 156	K/c thu nhập khác sang 911	911	95.609.302		
		Cộng số phát sinh		95.609.302	95.609.302	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2015**

Trang số

(Trích TK 711)

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT Dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang					
...
21/12	GBC 162	21/12	Thu tiền hỗ trợ kinh phí thực hiện HT ISO9001: 2010 – sở khoa học và CN Bình Định		14	1121	95.609.302	
				X	15	711		95.609.302
...
			Cộng số phát sinh				22.467.574.453	22.467.574.453

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Sổ này có 522 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 522

Ngày mở sổ 01/01/2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy Lợi-Thủy Điện BĐ **Mẫu số S03b-DN**
 Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Tran g	dòng		Nợ	Có
21/12	GBC 162	21/12	Thu tiền hỗ trợ kinh phí thực hiện HT ISO9001: 2010 – sở khoa học và CN Bình Định	519	14	1121		95.609.302
31/12	PKT 156	31/12	K/c thu nhập khác 711 sang 911	522	7	911	95.609.302	
			Tổng số phát sinh				95.609.302	95.609.302

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)


Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.3.7. Kế toán chi phí khác

Tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định trong năm 2015 không phát sinh nhiều các khoản chi phí khác, để hạch toán các khoản chi phí khác Công ty sử dụng TK 811.

– Khi phát sinh các nghiệp vụ về các khoản chi phí khác, kế toán tập hợp các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu chi, Quyết định của chi cục/ cục thuế, hải quan,... rồi lên sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết sau đó từ sổ Nhật ký chung lên Sổ Cái cho tài khoản 811.

➤ Dưới đây là mẫu chứng từ, sổ sách có liên quan:

 NGÂN HÀNG TMCP ĐT & PT VIỆT NAM Chi nhánh: Bình Định GIẤY BÁO NỢ Địa chỉ: 72 Lê Duẩn, TP. Quy Nhơn MST: 0100150619039			
SỐ TÀI KHOẢN: 580-10-00-000041-5 TÊN TÀI KHOẢN: CTY CP TVXD THỦY LỢI THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH			
Kính gửi: CTY CP TVXD THUY LOI THUY DIEN BINH DINH		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách đã được ghi giảm với nội dung:	
NGÀY HIỆU LỰC	SỐ TIỀN	LOẠI TIỀN	DIỄN GIẢI
03/07/2015	129.000	VNĐ	Nộp phạt tiền chậm nộp thuế TNDN
Giao dịch viên		Kiểm soát	

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Mẫu số C1-02/NS

Tiền mặt [] Chuyển khoản [X] (Theo thông tư số 119/2014/TT-BTC

Ngày 25/08/2014 của BTC)

Người nộp thuế: **CÔNG TY CP TV XD THỦY LỢI-THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH**

Mã số thuế: 4100259324

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai

Phường: Nguyễn Văn Cừ

TP: Quy Nhơn

Tỉnh: Bình Định

Người nộp thay:..... Mã số thuế:

Địa chỉ:.....

Huyện:.....

Tỉnh:.....

TP:.....

Đề nghị NH: **ĐT&PT Bình Định** trích TK số: **580100000415**

(hoặc) nộp tiền mặt để chuyển cho KBNN : TP. Quy Nhơn Tỉnh: Bình Định

Để ghi thu NSNN [X] hoặc nộp vào tài khoản tạm thu số: 741

Cơ quan quản lý thu: **CHI CỤC THUẾ BÌNH ĐỊNH**

Tờ khai HQ số: Ngày: Loại hình XNK:

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN			Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền	
STT	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Mã NDKT	Mã chương
1	Tiền nộp chậm thuế TNDN	129.000	4254	554
	Tổng cộng	129.000		

Số tiền ghi bằng chữ: Một trăm hai mươi chín nghìn đồng chẵn**PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:**

Mã CQ thu: Nợ TK:

Mã ĐBHC: Có TK:

Mã nguồn NSNN:

ĐỐI TƯỢNG NỘP

Ngày...tháng...năm...

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

NGÂN HÀNG KBNN

Ngày...tháng...năm

Kế toán Kế toán trưởng

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số: S38-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Tài khoản 811 – Chi phí khác

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số tồn
				Nợ	Có	
03/07	GBN 99	Nộp phạt tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2014 – Chi cục thuế Bình Định	1121	129.000		
20/08	GBN 122	Nộp tiền phạt nộp chậm tiền thuê đất đợt 1/2015- Cục Thuế Bình Định	1121	818.681		
31/12	PKT 160	K/c chi phí khác sang 911	911		947.681	
		Cộng số phát sinh		947.681	947.681	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2015**

Trang số

(Trích TK 811)

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT Dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang					
...
03/07	GBN 99	03/07	Nộp phạt tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2014 – Chi cục thuế Bình Định	X	16	811	129.000	
						17	1211	
20/08	GBN 122	20/08	Nộp tiền phạt nộp chậm tiền thuê đất đợt 1/2015- Cục Thuế Bình Định	X	4	811	818.681	
						5	1121	
...
			Cộng số phát sinh				22.467.574.453	22.467.574.453

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Sổ này có 522 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 522

Ngày mở sổ 01/01/2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy Lợi-Thủy Điện BĐ

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		trang	dòng		Nợ	Có
03/07	GBN 99	03/07	Nộp phạt tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2014 - Chi cục thuế Bình Định	516	17	1121	129.000	
20/08	GBN 122	20/08	Nộp tiền phạt nộp chậm tiền thuê đất đợt 1/2015- Cục Thuế Bình Định	519	5	1121	818.681	
31/12	PKT 160	31/12	K/C chi phí khác 811 sang 911	522	7	911		947.681
			Tổng số phát sinh				947.681	947.681

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.3.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Hàng quý, kế toán xác định và ghi nhận số thuế TNDN tạm phải nộp trong quý. Sau khi đã tính được thuế TNDN của quý, kế toán tiến hành nộp thuế của quý vào ngày cuối cùng của tháng sau quý đó.

Cuối năm, kế toán phải xác định lại và ghi nhận số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế cả năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành. Nếu số thuế TNDN phải nộp cả năm lớn hơn số thuế tạm nộp ở từng quý, kế toán phải ghi nhận và nộp bổ sung thuế TNDN còn phải nộp, còn nếu số thuế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế tạm nộp thì Công ty sẽ được hoàn lại số thuế chênh lệch đó.

Công ty sử dụng tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ” theo đúng quy định của Bộ Tài Chính.

Chứng từ sử dụng như là: Hóa đơn GTGT đầu vào, đầu ra; tờ khai thuế TNDN tạm tính; tờ khai thuế TNDN cả năm; phiếu chi; ...

Cuối kỳ kế toán tiến hành xác định kết quả kinh doanh như sau:

$$\begin{aligned}
 & \text{Tổng doanh thu PS trong} & = & \text{Doanh thu thuần từ bán hàng và CCDV} & + & \text{Doanh thu hoạt động tài chính} & + & \text{Thu nhập khác} \\
 & & & = & 4.581.552.731 & + & 2.025.006 & + & 95.609.302 & = & 4.679.187.039 \\
 \\
 & \text{Tổng chi phí PS trong kỳ} & = & \text{Giá vốn hàng bán} & + & \text{Chi phí tài chính} & + & \text{Chi phí bán hàng} & + & \text{Chi phí QLDN} & + & \text{Chi phí khác} \\
 & & & = & 2.862.145.131 & + & 34.532.753 & + & 0 & + & 1.254.798.011 & + & 947.681 & = & 4.152.432.576 \\
 \\
 & \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} & = & \text{Tổng doanh thu PS trong kỳ} & - & \text{Tổng chi phí PS trong kỳ} \\
 & & & = & 4.679.187.039 & - & 4.152.432.576 & = & 526.763.463 \\
 \\
 & \text{Thuế TNDN phải nộp} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} & \times & \text{Thuế suất thuế TNDN} \\
 & & & = & 526.763.463 & \times & 20\% & = & 105.352.693 \\
 \\
 & \text{Lợi nhuận} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} & - & \text{thuế TNDN} \\
 & & & = & 526.763.463 & - & 115.887.962 & = & 421.410.770
 \end{aligned}$$

➤ Dưới đây là Sổ Cái TK 821 tại Công ty

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy Lợi-Thủy Điện BĐ

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 8211

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
31/12	PKT 161	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN			3334	105.352.693	
31/12	PKT 162	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	516	17	911		105.352.693
			Tổng số phát sinh				105.352.693	105.352.693

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.3.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Trong kinh doanh điều mà các doanh nghiệp quan tâm nhất đó là kết quả hoạt động kinh doanh, lãi lỗ đạt được, bởi chính kết quả hoạt động kinh doanh quyết định đến sự thành công hay thất bại của Công ty. Khi nói đến hoạt động kinh doanh, người ta không chỉ đơn thuần nghĩ đến kết quả của một hoạt động nào đó mà nó là kết quả của nội dung hoạt động khác nhau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kết quả hoạt động Tài Chính.
- Kết quả hoạt động khác.

Để xác định kết quả kinh doanh, Công ty sử dụng tài khoản 911, và tài khoản 421. Tài khoản 911 được mở chung cho toàn bộ hoạt động trong Công ty.

Cuối tháng, cuối năm căn cứ vào Sổ Cái TK 511, TK 632, TK 642, TK 515, TK 635, TK 711, TK 811 kế toán tập hợp lên Sổ Cái TK 911.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:154

(Đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	4.581.552.731	
Cộng			4.581.552.731	

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:155

(Đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	2.025.006	
Cộng			2.025.006	

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:156

(Đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	95.609.302	
Cộng			95.609.302	

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:157

(Đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	2.862.145.131	
Cộng			2.862.145.131	

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:158

(Đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	1.254.798.011	
Cộng			1.254.798.011	

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:159

(Đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	34.532.753	
Cộng			34.532.753	

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:160

(Đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí khác	911	811	947.681	
Cộng			947.681	

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:161

(Đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN	8211	3334	105.352.693	
Cộng			105.352.693	

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:162

(Đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	8211	105.352.693	
Cộng			105.352.693	

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:163

(Đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lãi trong kỳ	911	421	421.410.770	
Cộng			421.410.770	

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
31/12	PKT 154	31/12	K/c doanh thu thuần	522	1	511		4.581.552.731
31/12	PKT 155	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	522	4	515		2.025.006
31/12	PKT 156	31/12	K/c thu nhập khác	522	6	711		95.609.302
31/12	PKT 157	31/12	K/c giá vốn hàng bán	522	8	632	2.862.145.131	
31/12	PKT 158	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	522	9	642	1.254.798.011	
31/12	PKT 159	31/12	K/c chi phí tài chính	522	11	635	34.532.753	
31/12	PKT 160	31/12	K/c chi phí khác	522	14	811	947.681	
31/12	PKT 162	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	522	24	8211	105.352.693	
31/12	PKT 163	31/12	Lãi kinh doanh trong kỳ	522	17	421	421.410.770	
			Tổng số phát sinh				4.679.187.039	4.679.187.039

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi-Thủy điện BD

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 307 Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐU'	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
31/12	PKT 163	31/12	Kết chuyển lợi nhuận trong kỳ	522	14	911		421.410.770
			Tổng số phát sinh					421.410.770
			Số dư cuối kỳ					<u>421.410.770</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Sau khi tập hợp các hóa đơn, chứng từ và lên sổ sách cho từng tài khoản ở trên, ta lập được bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2015 như sau:

Cty CP tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện BĐ

Biểu B02-DN

Địa chỉ: 307 - Nguyễn Thị Minh Khai (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2015**

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	4.581.552.731
2. Các khoản giảm trừ	02		
3. Doanh thu về bán hàng và CC dịch vụ	10		4.581.552.731
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	2.862.145.131
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và Cung Cấp dịch vụ	20		1.719.407.600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.025.006
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	34.532.753
- Lãi vay phải trả	23		
8. Chi phí bán hàng	24		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.254.798.011
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		432.101.842
11. Thu nhập khác	31		95.609.302
12. Chi phí khác	32		947.681
13. Lợi nhuận khác	40		94.661.621
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		526.763.463
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	105.352.693
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	
17. Lợi nhuận sau thuế	60		421.410.770
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH

3.1. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH

Trong môi trường kinh doanh cạnh tranh như hiện nay để có thể tồn tại và phát triển thì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cần phải tạo ra được lợi nhuận. Tối đa hóa lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp đặt ra và luôn nỗ lực để đạt được. Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định vận dụng những kiến thức đã được học ở trường em đã tìm hiểu và đưa ra những nhận xét chung về công tác kế toán tại Công ty cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm. Với thời gian hạn chế kinh nghiệm còn thiếu những nhận xét đánh giá có thể chưa hoàn thiện nhưng đó là những điều chắc lọc từ những tình huống em đã được tham khảo, tìm hiểu và thu thập trong quá trình thực tập.

Trải qua hơn 36 năm tồn tại và phát triển, Công ty đã có những bước tiến quan trọng cũng như có một chỗ đứng ở thị trường miền Trung và Tây nguyên. Mặc dù nền kinh tế chung đang gặp nhiều khó khăn nhưng hàng năm Công ty luôn làm ăn có lợi nhuận và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và người lao động, để đạt được những thành quả này đó là sự nỗ lực không ngừng của các phòng ban trong Công ty, trong đó bộ phận kế toán cũng góp phần không nhỏ. Chính nhờ những thông tin kế toán chính xác, nhanh chóng và kịp thời về tất cả tình hình biến động về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí... đã giúp ban giám đốc có cái nhìn cụ thể, tổng quát về tình hình hoạt động của Công ty và từ đó có những quyết định đúng đắn, kịp thời để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3.1.1. Ưu điểm

Thứ nhất, về hình thức kế toán Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản và hạch toán theo đúng Thông tư 200 của Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành. Công ty chọn hình thức kế toán Nhật ký chung kết hợp với xử lý số liệu bằng máy vi tính rất phù hợp với quy mô lĩnh vực hoạt động. Từ nhập số liệu,

chỉnh sửa, ghi sổ kế toán chi tiết - tổng hợp cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đến tổng hợp báo cáo số liệu kế toán đều được tập trung ở phòng kế toán và được xử lý bằng phần mềm kế toán trên máy vi tính. Do đó, đảm bảo được sự tập trung thống nhất chặt chẽ, đảm bảo việc tiết kiệm công sức cho nhân viên nhưng mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp cho nhân viên kế toán cung cấp thông tin nhanh chóng, nâng cao chất lượng kế toán.

Thứ hai, bộ máy kế toán tại Công ty nhỏ gọn dễ quản lý, phòng kế toán gồm bốn nhân viên trong đó có ba kế toán và một thủ quỹ. Nhiệm vụ được phân chia rõ ràng, phù hợp với năng lực của từng nhân viên, đội ngũ nhân viên kế toán tại Công ty có năng lực chuyên môn cao, liên tục cập nhật và áp dụng các chuẩn mực kế toán mới do Bộ tài chính quy định nên công tác kế toán ngày càng hoàn thiện và phù hợp với quy định hiện hành.

Thứ ba, về phương pháp kế toán, khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán phản ánh trên sổ sách kế toán với bút toán định khoản khá chính xác cụ thể:

Về kế toán doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ, do Công ty áp dụng kế toán máy trong kế toán tiêu thụ thành phẩm nên khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh, từ các chứng từ liên quan, kế toán bán hàng sẽ nhập luôn số liệu lên máy tính tại các phân hệ kế toán thích hợp. Từ đó, có thể khẳng định rằng, công tác kế toán doanh thu bán hàng hoá tại Công ty được thực hiện nhanh chóng, kịp thời. Bên cạnh đó, doanh thu bán hàng hoá còn được ghi sổ chi tiết theo từng hoá đơn bán hàng và theo từng khách hàng. Sở dĩ được như vậy là do các hoá đơn bán hàng, các sản phẩm và các khách hàng của Công ty đều được quản lý trên máy tính theo mã số riêng nên rất dễ theo dõi chi tiết.

Về kế toán giá vốn hàng bán, do đặc điểm thành phẩm, dịch vụ tại Công ty đa dạng, Công ty muốn quay vòng vốn nhanh nên công tác tiêu thụ được tiến hành khẩn trương, nhanh chóng, số lần hoàn thành các thành phẩm, dịch vụ diễn ra liên tục trong tháng. Vì thế Công ty sử dụng phương pháp bình quân cả kỳ để tính giá vốn hàng xuất kho đã giảm bớt được khối lượng công tác kế toán và cũng khá phù hợp với Công ty.

Về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu Công ty không áp dụng hình thức giảm giá hàng bán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được bên bán chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trong hóa đơn vì một lý do nào đó như hàng kém chất lượng mà khách hàng không trả lại, hay chỉ đơn giản là để giữ khách hàng đối với khách hàng mới. Nhưng ở Công ty không có trường hợp nào như vậy.

Đối với sản phẩm của Công ty, việc sản phẩm kém chất lượng hầu như không có. Vì Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ và thành phẩm là những đơn đặt hàng trước được kiểm tra rất kỹ lưỡng về quy cách, chất lượng. Do vậy, Công ty không sử dụng tài khoản 521 là hoàn toàn hợp lý.

Về kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính các khoản doanh thu và chi phí tài chính ở Công ty không thường xuyên xảy ra nhưng Công ty hạch toán rất đúng vào tài khoản 515 và 635 với bút toán định khoản chính xác.

Về kế toán hoạt động khác trong năm vừa qua các hoạt động khác diễn ra trong Công ty tương đối rất ít và với số tiền không lớn, nhưng Công ty vẫn sử dụng đúng các tài khoản theo quy định của Nhà nước là TK 711 và TK 811 với bút toán định khoản chính xác.

Về kế toán xác định kết quả kinh doanh, Công ty sử dụng TK 911, Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh được thực hiện kết hợp cả kế toán máy và kế toán thủ công nên việc hạch toán rất chính xác và đầy đủ và được chi tiết cho từng hoạt động của Công ty. Điều này có ý nghĩa rất lớn đối với công tác điều hành của ban giám đốc.

Thứ tư, về chứng từ sổ sách kế toán, quy trình luân chuyển chứng từ kế toán của Công ty được thiết kế đơn giản, gọn nhẹ, có kết cấu hợp lý, phù hợp với các đặc điểm kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho các công việc kế toán và việc tiêu thụ hàng hóa được nhanh chóng. Cùng với đó là việc lập chứng từ liên quan đến hàng hóa bán ra kịp thời, chấp hành đúng quy định của hệ thống kế toán Việt Nam. Việc áp dụng kế toán máy trong kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh đã tạo điều kiện rất nhiều cho Công ty so với trước kia khi còn làm thủ công hoàn toàn. Từ các chứng từ cần thiết, kế toán nhập liệu vào máy tính và máy sẽ tự động lên sổ chi tiết, tổng hợp và Sổ Cái các tài khoản. Nhờ đó, các sổ sách của Công ty thể hiện đầy đủ thông tin về các nghiệp vụ bán hàng trong tháng và khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ.

Đối với các tài khoản chi tiết đến cấp 2 (như tài khoản 627, 642...) hay chi tiết đến cấp 3 (như tài khoản 334, 111,...) có thể thấy kế toán Công ty đã thể hiện rất rõ ràng từng tài khoản chi tiết trên sổ Cái của tài khoản tổng hợp, giúp cho kế toán có thể theo dõi được chính xác nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của từng đối tượng để từ đó có hướng xử lý đúng đắn.

Thứ năm, về tổ chức nhân viên kế toán, để kết quả kinh doanh tại Công ty thể hiện một cách trung thực, chính xác Công ty đã thực hiện tốt nguyên tắc bất

kiêm nhiệm, phân chia rõ ràng giữa các chức năng phê duyệt, thực hiện, ghi sổ và bảo quản tài sản đều này giúp Công ty tránh khỏi những gian lận trong công tác kế toán. Đặc biệt các nhân viên phòng kế toán luôn được bồi dưỡng nâng cao kiến thức để cập nhật và áp dụng những quy định kế toán mới nhất do Nhà nước ban hành.

Nhìn một cách tổng thể, công tác kế toán tại Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh Luật kế toán Việt Nam, chế độ và các chuẩn mực kế toán hiện hành, tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi cũng như lý luận cơ bản của lý thuyết hạch toán kế toán. Đồng thời, công tác kế toán của Công ty không ngừng hoàn thiện, nâng cao về phương pháp kế toán và tổ chức hạch toán kế toán.

3.1.2. Hạn chế

Ngoài những ưu điểm được nói ở trên, Công ty cũng không tránh khỏi những hạn chế và nên khắc phục những hạn chế sau:

Một là, hiện nay Công ty chỉ áp dụng phương thức tiêu thụ là xuất bán trực tiếp tại kho là chủ yếu trong khi đó nhu cầu của khách hàng về sản phẩm của Công ty là rất nhiều nhất là đối với các khách hàng ở khu vực Tây nguyên và các tỉnh lân cận. Yêu cầu đặt ra cho Công ty là nên đề ra các phương thức tiêu thụ khác nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng ở xa, như vậy sẽ giúp Công ty tiêu thụ được nhiều sản phẩm, tăng doanh thu cũng như mở rộng được thị trường tiêu thụ.

Hai là, các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ tại Công ty chưa được chú trọng, Công ty không áp dụng các khoản chiết khấu thương mại hay chiết khấu thanh toán cho khách hàng, trong khi thị trường hiện nay đang cạnh tranh rất khốc liệt, các Công ty cùng ngành nghề ra đời hàng loạt, nếu Công ty không chú trọng đến vấn đề này trước hết sẽ làm cho nguồn vốn chậm luân chuyển và nguy cơ bị mất khách hàng là rất cao.

Ba là, về việc trích lập các khoản dự phòng, Công ty chưa chú trọng đến việc trích lập dự phòng các khoản phải thu cũng như các khoản đầu tư tài chính khác, trong khi đó có những khách hàng thiếu nợ với số tiền lớn và chậm trả, do vậy mà nguy cơ không lấy được nợ từ khách hàng là rất cao.

Bốn là Công ty không sử dụng TK 641 “chi phí bán hàng” vì đặc thù kinh doanh tại Công ty ít phát sinh các khoản chi phí liên quan đến nghiệp vụ bán hàng nên nếu có phát sinh thì Công ty hạch toán luôn vào tài khoản 642 “chi phí quản lý doanh nghiệp”, mục đích là để giảm khối lượng sổ sách và tài khoản, tuy nhiên như vậy là không đúng với quy định của BTC ban hành. Lý do bộ phận kế toán hạch toán như vậy có thể là để hạn chế mở thêm tài khoản và sổ kế toán.

Năm là, sản phẩm chủ yếu của Công ty đó là là những bản dự án đầu tư, các bảng thiết kế kỹ thuật, bảng vẽ thi công công trình thủy điện, thủy lợi nên các sản phẩm đa số có giá trị tương đối cao, trong quá trình khách hàng sử dụng sản phẩm có thể xảy ra các trường hợp thiết kế không phù hợp hoặc bị lỗi nào đó, lúc này khách hàng sẽ đề nghị Công ty chỉnh sửa hay bảo hành lại sản phẩm cho họ trong khi đó thì Công ty lại chưa trích trước các khoản về chi phí bảo hành sản phẩm.

Sáu là, mặc dù các nhân viên kế toán thường xuyên cập nhật các Thông tư Chuẩn mực kế toán mới nhưng chưa vận dụng được Chuẩn mực kế toán và Thông tư với các Nghị định về thuế trong kế toán để giảm thiểu các chênh lệch giữa kế toán và thuế làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

Bảy là, Công ty có bộ máy kế toán nhưng chủ yếu mới thực hiện chức năng thu thập, xử lý cung cấp thông tin của kế toán tài chính, mà chưa có bộ phận phục vụ cho yêu cầu kế toán quản trị cũng như phân tích hoạt động kinh doanh và hệ thống tài khoản chưa xây dựng để hướng tới mục tiêu tích hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, Công ty hầu như cũng chưa quan tâm đến vấn đề này.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI – THỦY ĐIỆN BÌNH ĐỊNH

Qua thời gian được thực tập tại Công ty dưới sự hướng dẫn nhiệt tình của các anh chị phòng tổng hợp (phòng kế toán) em đã biết được rất nhiều về công tác kế toán thực tế như thế nào, cũng như học hỏi nhiều kinh nghiệm trong công việc sau này, qua thời gian thực tập em nhận thấy công tác kế toán tại Công ty có một số điểm còn hạn chế, thiếu sót, do đó em có đưa ra một vài ý kiến đóng góp mong những ý kiến này sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty hơn.

a) Giải pháp 1: Mở rộng thêm phương thức tiêu thụ

Công ty nên mở rộng thêm phương thức tiêu thụ khác như là phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận; đây là phương thức tiêu thụ mà bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng được bên mua chấp nhận mới được coi là tiêu thụ. Nếu áp dụng phương thức này thì Công ty phải xây dựng thêm một bộ phận bán hàng để có thể chuyển hàng cho người mua cũng như tìm kiếm thị trường mới cho Công ty, mặc dù Công ty sẽ phải tốn thêm một khoản chi phí nhưng thay vào đó Công ty có thể thu hút được khách hàng đến với

Công ty nhiều hơn số lượng sản phẩm tiêu thụ cũng có thể tăng cũng như mở rộng được thị trường tiêu thụ sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

Hạch toán đối với phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận như sau:

Sản phẩm đem chuyển bán:

Nghiệp vụ ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 157

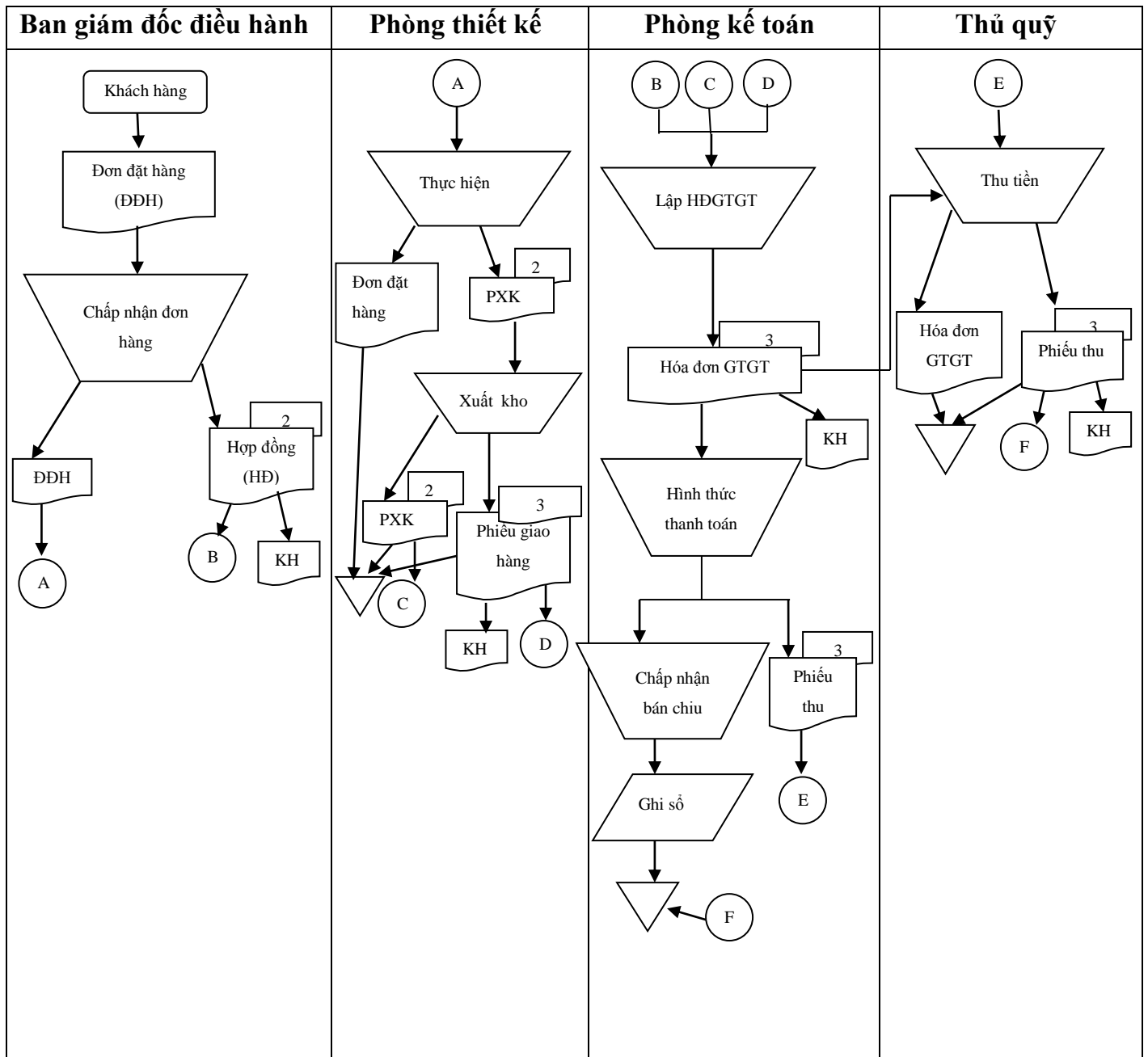
Nợ TK 131, 111, 112

Có TK 155

Có TK 511

Có TK 33311

Dưới đây là lưu đồ mô tả quá trình xử lý chu trình bán hàng:



Diễn giải lưu đồ:

– Khách hàng gửi tới đơn đặt hàng phòng giám đốc điều hành xét duyệt nếu được thì lập hợp đồng và lệnh bán hàng:

+ Hợp đồng được lập thành 2 liên: một liên gửi cho khách hàng còn một liên gửi cho phòng kế toán.

– Bộ phận thiết kế nhận được đơn hàng thì kiểm tra và thiết kế sản phẩm, sản phẩm hoàn thành bàn giao cho khách hàng thì tiến hành lập phiếu xuất kho gồm 2 liên: 1 liên lưu, 1 liên giao cho bộ phận kế toán.

Sau đó bộ phận thiết kế tiến hành xuất kho giao hàng cho khách hàng. Đồng thời lập phiếu giao hàng gồm 3 liên: liên 1 lưu, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 chuyển cho bộ phận kế toán.

– Phòng kế toán sau khi nhận được các chứng từ từ phòng giám đốc điều hành và bộ phận bán hàng chuyển đến, kế toán lập hóa đơn GTGT gồm 3 liên: liên 1 lưu, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

Đồng thời xử lý hình thức thanh toán của khách hàng, nếu chấp nhận bán chịu thì kế toán sẽ ghi sổ theo dõi công nợ và lưu lại để theo dõi công nợ. Nếu khách hàng thanh toán ngay thì lập phiếu thu gồm 3 liên và chuyển hết sang cho thủ quỹ.

– Thủ quỹ sau khi nhận hóa đơn GTGT và phiếu thu do phòng kế toán chuyển sang, thủ quỹ xem xét và tiến hành thu tiền. Phiếu thu sau khi được duyệt xong có đầy đủ chữ ký hợp lệ thì tiến hành gửi các phiếu thu như sau: liên 1 đưa phòng kế toán, liên 2 giao cho khách hàng và liên 3 lưu.

b) Giải pháp 2: Hoàn thiện kế toán các nghiệp vụ liên quan đến chính sách ưu đãi cho khách hàng

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh như hiện nay khách hàng có rất nhiều sự lựa chọn, do đó Công ty muốn phát triển mạnh và mở rộng thị trường thì cần thực hiện ngay các chính sách ưu đãi cho khách hàng, mục đích để giữ chân khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới như:

– Các khoản chiết khấu thương mại cho những khách hàng đặt hàng với số lượng lớn tại Công ty. Chiết khấu thương mại được ghi trong hợp đồng mua bán và cam kết về mua bán hàng. Đối với những khách hàng mua hàng với số lượng lớn do trong một khoản thời gian nhất định đã tiến hành mua hàng với số lượng nhiều thì Công ty có thể chiết khấu cho họ là 2% trên tổng giá thanh toán.

✓ Khi chiết khấu thương mại cho khách hàng thì có hai cách:

+ Thứ nhất là giảm trực tiếp doanh thu trên hóa đơn theo tỷ lệ chiết khấu:

- Nợ TK 131 : Số tiền phải thu đã trừ đi CKTM được hưởng
 Có TK 511 : Doanh thu đã trừ khoản CKTM
 Có TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra phải nộp
 + Thứ hai là không ghi trực tiếp vào hóa đơn mà định khoản vào TK 521:
 Nợ TK 521 : Tập hợp chiết khấu thương mại phát sinh
 Nợ TK 3331 : Thuế GTGT trả lại cho khách hàng tương ứng
 Có TK 111,112,131 : Đã trả bằng tiền hoặc trừ vào khoản phải thu

Ví dụ: Trong tháng 4 năm 2015 Công ty TNHH Tổng Hợp An Lão đã đặt hàng và mua của Công ty là hai bản vẽ thi công công trình thủy lợi và một dự án giám sát kè sông Vét thuộc dự án hệ thống thoát lũ, tổng số tiền Công ty sẽ thu được từ ba đơn hàng trên là: 196.154.546 đồng; đến tháng 8 năm 2015 Công ty đã bàn giao Công trình, bản vẽ đầy đủ cho Công ty TNHH Tổng Hợp An Lão, khi đó khách hàng thanh toán, Công ty sẽ cho khách hàng hưởng một khoản chiết khấu thương mại với tỷ lệ là 2% trên tổng giá thanh toán.

Khi đó kế toán định khoản như sau:

- Nợ TK 521 : 3.566.446 đồng
 Nợ TK 3331 : 356.645 đồng
 Có TK 111,112,131 : 3.923.091 đồng

– Hay để đẩy mạnh tiêu thụ và khuyến khích khách hàng thanh toán tiền hàng sớm Công ty có thể chiết thanh toán cho khách hàng cụ thể như: đối với những khách hàng có quan hệ thường xuyên thân thiết Công ty nên cho hưởng chiết khấu thanh toán trong thời gian từ 45 đến 50 ngày còn đối với những khách hàng giao dịch không thường xuyên thì thời hạn chiết khấu là 15 ngày và số tiền chiết khấu thanh toán được trích theo tỷ lệ 1% trên tổng giá thanh toán, ngoài ra cần có các chính sách thăm hỏi, tặng quà vào các dịp lễ lớn cho các khách hàng thân thiết với Công ty, vì điều này không những tạo mối quan hệ tốt với khách hàng mà còn giúp Công ty có nhiều khách hàng mới.

✓ Khi cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán kế toán định khoản như sau:

- Nợ TK 635 : Ghi tăng chi phí tài chính
 Có TK 111,112 : Nếu xuất tiền trả cho người mua
 Có TK 131 : Nếu trừ vào số tiền phải thu của người mua
 Có TK 3388 : Nếu số chiết khấu chấp nhận nhưng chưa thanh toán

Ví dụ: Ngày 02/06 Công ty đã hoàn thành lập dự án thiết kế Bản vẽ quy trình vận hành HCN sông Vố cho Công ty TNHH Thuận Đức với số tiền là 99.000.000

đồng, vì là khách hàng thường xuyên của Công ty nên khi làm hợp đồng mua bán hàng Công ty cho khách hàng hưởng thời gian chiết khấu thanh toán với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày bàn giao sản phẩm và tỷ lệ chiết khấu là 1% trên tổng giá thanh toán. Đến ngày 05/07 Công ty TNHH Thuận Đức đã đến thanh toán cho Công ty khi đó kế toán định khoản khoản chiết khấu thanh toán như sau:

Nợ TK 635 : 990.000 đồng

Có TK 131 : 990.000 đồng

c) Giải pháp 3: Về việc trích lập các khoản dự phòng

Một điểm hạn chế rất lớn trong công tác kế toán tại Công ty đó là bộ phận kế toán không hề trích lập các khoản dự phòng cần thiết là khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, vì số tiền khách hàng thiếu nợ tại Công ty rất lớn và có những khoản phải thu mà người nợ khó hoặc không có khả năng trả nợ nhưng ở Công ty vẫn chưa thực hiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi. Vì vậy để đề phòng việc thất thu khi khách hàng không có khả năng thanh toán, hạn chế những đột biến về kết quả kinh doanh trong một kỳ kế toán Công ty nên lập dự phòng phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc Công ty tính trước vào chi phí quản lý doanh nghiệp một khoản chi để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều.

Về nguyên tắc căn cứ lập dự phòng là phải có những bằng chứng đáng tin cậy về các khoản nợ phải thu khó đòi như khách hàng bị phá sản hoặc bị tổn thất, thiệt hại lớn về tài sản... nên không hoặc khó có khả năng thanh toán, Công ty đã làm thủ tục đòi nợ nhiều lần vẫn không thu được nợ.

– Việc lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán trước khi lập BCTC. Mức lập dự phòng phải theo chế độ của nhà nước:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tổng mức lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20% tổng số phải thu của Công ty tại thời điểm lập BCTC.

Đối với nợ phải thu chưa tới hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

❖ Các bút toán khi lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Cuối kỳ kế toán khi lập dự phòng lần đầu ghi

Nợ TK 642 : Tăng chi phí QLDN trong kỳ

Có TK 2293 : Số dự phòng nợ phải thu được trích lập

Cuối kỳ năm tiếp theo nếu khoản dự phòng ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã lập năm ngoái thì ghi:

Nợ TK 642 : Số dự phòng cần trích lập thêm

Có TK 2293 : Số dự phòng cần trích lập thêm

Nếu khoản dự phòng ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã lập năm ngoái thì ghi

Nợ TK 2293 : Hoàn nhập số dự phòng đã trích lập

Có TK 642 : Hoàn nhập số dự phòng đã trích lập

Nếu các khoản nợ xác định thực sự không đòi được thì được phép xóa sổ bảng bút toán

Nợ TK 111, 112... : Số tiền thu được

Nợ TK 2293 : Dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 : Chi phí QLDN (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131, 138: Giảm các khoản phải thu

Đối với những khoản nợ đã xóa sổ nay thu hồi được nợ ghi

Nợ TK 111, 112... : Ghi tăng thu nhập khác

Có TK 711 : Ghi tăng thu nhập khác

Ví dụ: Trong tháng 01 năm 2015 Công ty có ký hợp đồng với Công ty TNHH XD Trung Nam về lập dự án đầu tư và thiết kế hồ chứa nước Chí Hòa. Đến tháng 4 năm 2015 Công ty đã bàn giao sản phẩm cho khách hàng với tổng số tiền thanh toán là 330.271.818 đồng nhưng đến tháng 11 năm 2015 Công ty nhận được thông tin Công ty TNHH XD Trung Nam đang lâm vào tình trạng tổn thất nặng và bị mất khả năng thanh toán, theo đó Công ty cũng đã xem xét thông tin trên và làm thu tục đòi nợ nhưng không thu hồi được do đó Công ty cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi về khoản nợ trên để tránh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Mức trích lập dự phòng là 30% đối với khoản nợ 6 tháng đến dưới 1 năm.

Khi đó kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 99.081.545 đồng

Có TK 2293 : 99.081.545 đồng

Sau đó tiếp tục theo dõi nợ phải thu khách hàng nếu như vẫn không thu hồi được nợ thì Công ty tiếp tục trích lập dự phòng các khoản phải thu căn cứ vào thời hạn nợ của khách hàng.

d) Giải pháp 4: Bổ sung tài khoản 641

Cần bổ sung TK 641 cho phù hợp với quy định, với việc hạch toán các khoản chi phí liên quan đến việc tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ vào cùng một TK 642 là không đúng với quy định hiện hành, do đó khi phát sinh các khoản chi phí liên quan đến việc bán hàng thì Công ty cần phải hạch toán vào đúng tài khoản của nó là TK 641, việc mở thêm TK 641 sẽ giúp Công ty xác định kết quả kinh doanh của từng bộ phận một cách chính xác hơn và như vậy cũng là đúng với quy định của Bộ Tài Chính.

Nếu khi phát sinh các khoản chi phí liên quan đến quá trình tiêu thụ ta định khoản như sau:

Nợ TK 641 : Chi phí bán hàng phát sinh
 Nợ TK 1331 : Thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Có TK 111,112,331... : TK liên quan

Ví dụ: Trong tháng 11 năm 2015 Công ty đã phát sinh các khoản chi phí bán hàng như sau: Chi tiếp khách là Công ty TNHH Thuận Đức với số tiền là 1.265.000 đồng; chi tiền điện thoại cho các giao dịch mua bán hàng là 258.188 đồng. Khi đó kế toán định khoản:

✓ Về chi phí tiếp khách:

Nợ TK 6418 : 1.150.000 đồng
 Nợ TK 1331 : 115.000 đồng
 Có TK 111 : 1.265.000 đồng

✓ Về chi phí tiền điện thoại:

Nợ TK 6417 : 234.716 đồng
 Nợ TK 1331 : 23.472 đồng
 Có TK 111 : 258.188 đồng

Khi đó trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thì tháng 11 năm 2015 Công ty sẽ trình bày rõ chi phí bán hàng để bán sản phẩm là 1.384.716 đồng và trên bảng cân đối kế toán số tiền chi ra bên Có TK 111 là 1.384.716 đồng. Điều này giúp Công ty xác định rõ được chi phí bán hàng phải bỏ ra để bán sản phẩm trong kỳ của mình là bao nhiêu từ đó có các biện pháp để giảm chi phí nhưng không làm giảm hiệu quả kinh doanh. Nếu như Công ty cứ tiếp tục phản ánh hết các khoản chi

phí này vào TK 642 thì việc quản lý sẽ khó khăn và kém hiệu quả.

e) Giải pháp 5: Trích dự phòng bảo hành sản phẩm

Trong quá trình thiết kế sản phẩm cũng như giám sát các công trình của Công ty cũng có thể xảy ra các trường hợp các bảng vẽ thiết kế bị lỗi mà khách hàng không thể thực hiện được như yêu cầu đã đặt trước thì Công ty phải tiến hành chỉnh sửa hay gọi là bảo hành lại cho khách hàng để họ có thể thực hiện được đúng tiến độ công trình cũng như tin tưởng vào khả năng làm việc của Công ty. Do đó Công ty cần dự tính trước khoản chi phí bỏ ra để bảo hành sản phẩm cho khách hàng.

– Khi lập dự phòng cho chi phí sửa chữa, bảo hành sản phẩm hàng hóa:

Nợ TK 6415 : Chi phí bán hàng

Có TK 352 : Dự phòng bảo hành sản phẩm

– Khi sửa chữa bảo hành sản phẩm hoàn thành bàn giao cho khách hàng:

Nợ TK 352 : Dự phòng phải trả

Nợ TK 641 : Chi phí bán hàng (phần dự phòng bảo hành sản phẩm còn thiếu)

Có TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh

Ví dụ: Trong năm 2015 Công ty bán được các sản phẩm của mình với tổng doanh thu thu được là 4.581.522.731 đồng, với kinh nghiệm bán sản phẩm từ các năm trước đó, Công ty nhận thấy có những bản thiết kế bị lỗi khách hàng đã đến Công ty để sửa đổi lại do đó trong năm nay Công ty nên trích trước chi phí bảo hành sản phẩm và ước tính mức trích với tỷ lệ là 1% trên tổng doanh thu.

Nợ TK 6415 : 45.815.227 đồng

Có TK 3521 : 45.815.227 đồng

Khi đó báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2015 sẽ trình bày ở mục chi phí bán hàng là 45.815.227 đồng và trên bảng cân đối kế toán bên nguồn vốn số dư Có TK 352 là 45.815.227 đồng.

f) Giải pháp 6: Kế toán nên tìm hiểu rõ trong việc vận dụng Chuẩn mực kế toán với các Nghị định về thuế trong kế toán để giảm thiểu các chênh lệch giữa kế toán và thuế làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Kế toán cần xem xét đến các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, có những chi phí là không được trừ (tiền phạt vi phạm hành chính, vi phạm thuế; lãi tiền vay của cá nhân quá tỷ lệ khống chế quy định; chi phí khác (tặng, tiếp khách, khuyến mại...) vượt quá tỷ lệ quy định; chi phí không có hóa đơn tài chính; chi phí lãi vay tương ứng với phần vốn góp chưa đủ) hoặc những thu nhập được miễn thuế (như cổ tức,

lợi nhuận được chia,...) thì kế toán cần lưu ý để làm căn cứ xác định thu nhập tính thuế.

Ví dụ: Trong năm 2015 tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty là 526.763.463 đồng. Trong năm đã có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo ra sự khác biệt giữa kế toán và thuế như sau:

1. Vay cá nhân là 80.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, tổng cộng trả lãi 8.800.000 đồng. Biết lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà Nước công bố tại thời điểm vay là 7%/năm.

2. Chi phí mua hàng hóa dịch vụ không có chứng từ hợp lệ là 28.000.000 đồng.

3. Khoản phạt vi phạm hành chính về thuế là 10.000.000 đồng.

4. Hàng tháng Công ty có chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty và đã hạch toán vào chi phí (các thành viên này không trực tiếp điều hành Công ty) trong năm với số tiền là 62.000.000 đồng.

Từ ví dụ cho thấy trong năm có sự chênh lệch giữa kế toán và thuế trong việc xác định các khoản chi phí để xác định thu nhập chịu thuế từ đó xác định thuế TNDN và xác định lợi nhuận cho Công ty. Do có sự chênh lệch nên kế toán phải điều chỉnh lại để phù hợp với yêu cầu về công tác kiểm tra quyết toán thuế.

Điều chỉnh tăng LN theo pháp luật thuế	Điều chỉnh giảm LN theo pháp luật thuế
1. Phần chi phí trả lãi tiền vay cá nhân quá tỷ lệ khống chế quy định: $8.800.000 - (80.000.000 \times 7\% \times 150\%)$ $= 400.000$ đồng 2. Chi phí mua hàng hóa dịch vụ không có chứng từ hợp lệ là 22.000.000 đồng 3. Khoản phạt vi phạm hành chính về thuế là 10.000.000 đồng 4. Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty và đã hạch toán vào chi phí trong năm với số tiền là 62.000.000 đồng	
Tổng: 94.400.000 đồng	Tổng: 0 đồng

$$\begin{aligned} \text{Thu nhập tính thuế} &= \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} + \text{Điều chỉnh tăng LN theo pháp luật thuế} - \text{Điều chỉnh giảm LN theo pháp luật thuế} \\ &= 526.763.463 + 94.400.000 - 0 = 621.163.463 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Thuế TNDN phải nộp} &= \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN} \\ &= 621.163.463 \times 20\% = 124.232.693 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Qua ví dụ trên có thể thấy nếu trong kỳ kế toán phân biệt và xác định được các chi phí, doanh thu trong kỳ đúng thì khi xác định kết quả kinh doanh trong kỳ sẽ chính xác hơn và khi có cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thuế sẽ ít xảy ra các chênh lệch cũng như hạn chế việc ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ đã thực hiện trước đó. Nếu như lúc đầu kế toán xác định thuế TNDN hiện hành là 105.352.693 đồng thì khi có phát sinh chênh lệch giữa kế toán và thuế đã làm chi phí thuế TNDN lên là 124.232.693 đồng tăng 18.880.000 đồng, điều này đã làm tăng chi phí cho Công ty cũng như làm giảm lợi nhuận.

g) Giải pháp 7: Công ty cần xây dựng một bộ phận kế toán quản trị nhằm đáp ứng các nhu cầu về thông tin kinh tế nhanh nhất, cũng như hoạch định những chiến lược phát triển cho Công ty trong tương lai dựa trên những thông tin mà kế toán cung cấp. Bộ phận kế toán quản trị sẽ xác định, kiểm soát, đánh giá giá thành sản phẩm; dự toán ngân sách hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm theo từng bộ phận và đánh giá trách nhiệm quản lý ở từng cấp bậc quản trị; thu thập phân tích và đề ra các phương án kinh doanh ngắn hạn và dài hạn cho Công ty;... Như đã nói ở trên nếu như ban giám đốc Công ty chưa nhận thấy được tầm quan trọng của thông tin kế toán quản trị, thì các nhân viên phòng kế toán đề xuất ý kiến với ban lãnh đạo, có thể tuyển dụng thêm nhân sự vào để đảm trách nhiệm vụ này, nếu như ban giám đốc thấy việc nâng cao công tác kế toán thật sự mang lại hiệu quả cho Công ty, thì việc tuyển dụng thêm ngoài việc xây dựng được bộ máy kế toán quản trị, mà còn giảm bớt áp lực công việc cho nhân viên phòng kế toán, nâng cao hiệu quả của bộ máy kế toán.

KẾT LUẬN

Trong bất kỳ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nào thì quá trình tiêu thụ hàng hóa diễn ra như thế nào đồng nghĩa với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp như thế đó. Nhất là trong môi trường cạnh tranh hiện nay, tiêu thụ hàng hóa đã trở thành mối quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức kế toán tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi ngày càng phải hoàn thiện hơn. Để đạt được điều đó thì mỗi doanh nghiệp cần phải không ngừng hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh của mình.

Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định, em thấy rằng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh là vấn đề mà bộ phận kế toán quan tâm nhất, do đó em quyết định đi sâu tìm hiểu về thực tế công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh, từ đó thấy được những ưu điểm cũng như những hạn chế trong kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, ngoài ra cũng thấy được những mặt ưu và nhược điểm trong quá trình kinh doanh của Công ty, cũng như có đóng góp một vài ý kiến của bản thân mong Công ty sẽ hoàn thiện hơn công tác kế toán và ngày càng phát triển.

Trong quá trình thực tập được sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy Nguyễn Ngọc Tiến, cũng như các anh, chị trong phòng kế toán và các phòng ban có liên quan giúp em rút ra được nhiều bài học thực tế bổ ích làm kinh nghiệm trên bước đường đi tới của mình.

Và cũng nhờ đợt thực tập thực tế này mà em nhận thấy được nhiều sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tế, từ đó biết vận dụng những điều được học từ nhà trường vào trong thực tế một cách dễ dàng hơn.

Do thời gian thực tập chưa nhiều nên các vấn đề đưa ra trong khóa luận này chưa có tính khái quát cao, việc giải quyết các vấn đề chưa hoàn toàn thấu đáo, đầy đủ và không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp, chỉ bảo của thầy cô và các cán bộ trong Công ty để khóa luận của em được hoàn thiện hơn nữa.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy Nguyễn Ngọc Tiến và các anh chị trong Công ty CP tư vấn xây dựng Thủy Lợi – Thủy Điện Bình Định đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành bài chuyên đề thực tập này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO



1. *Giáo trình hạch toán kế toán*, (2006), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Công, (2006), *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Dung (2008) *Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam*, NXB Thống kê.
4. *Hệ thống tài khoản kế toán* (ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính), Nhà xuất bản Tài Chính, Hà Nội.
5. Nghiêm Văn Lợi, (2007), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội.
6. Tài liệu tại phòng kế toán tổng hợp Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi – Thủy điện Bình Định.
7. Các website: <http://www.webketoan.vn>
<http://ketoantonghop.vn>
<http://tailieu.vn>
<http://luanvan.net>